

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ IA GRAI
KHOÁ I**

**KỲ HỌP THỨ HAI
(CHUYÊN ĐỀ)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ia Grai, ngày 14 tháng 8 năm 2025

**DỰ KIẾN CHƯƠNG TRÌNH
KỲ HỌP THỨ HAI (CHUYÊN ĐỀ), HĐND XÃ KHOÁ I**

I. Thời gian tổ chức kỳ họp: 01 ngày (ngày 14 tháng 8 năm 2025, *thứ Năm*).

II. Địa điểm tổ chức kỳ họp: Hội trường HĐND – UBND xã Ia Grai.

III. Nội dung chương trình kỳ họp:

1. Chào cờ, cử Quốc ca;

2. Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự kỳ họp;

3. Thường trực HĐND xã thông qua dự kiến chương trình Kỳ họp thứ Hai (Chuyên đề) - HĐND xã khóa I.

4. Phát biểu khai mạc của Chủ tọa kỳ họp;

5. Công bố Nghị quyết của Thường trực HĐND về việc thành lập Tổ đại biểu HĐND và chỉ định Tổ trưởng, Tổ phó các Tổ đại biểu HĐND xã khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026.

6. Thông qua các tờ trình và dự thảo Nghị quyết:

6.1 Tờ trình và dự thảo Nghị quyết Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân xã Ia Grai khóa I, Nhiệm kỳ 2021 – 2026;

6.2 Tờ trình và dự thảo Nghị quyết Ban hành Quy chế làm việc của Thường trực HĐND xã Ia Grai khóa I, nhiệm kỳ 2021 – 2026;

6.3 Tờ trình và dự thảo Nghị quyết Chương trình giám sát 6 tháng cuối năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã khóa I, nhiệm kỳ 2021 – 2026.

7. Ủy ban nhân dân xã trình bày tóm tắt các nội dung do UBND xã trình HĐND xã, gồm:

7.1. Tờ trình và dự thảo Nghị quyết về việc điều chỉnh kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2025;

7.2. Tờ trình và dự thảo Nghị quyết về việc phân bổ dự toán ngân sách 6 tháng cuối năm 2025;

7.3. Tờ trình và dự thảo Nghị quyết về việc giao kế hoạch vốn đầu tư Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025;

7.4. Tờ trình và dự thảo Nghị quyết về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025;

7.5. Tờ trình và dự thảo Nghị quyết về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025;

7.6. Tờ trình và dự thảo Nghị quyết về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2025;

8. Các Ban HĐND xã báo cáo kết quả thẩm tra của Ban

9. Hội đồng nhân dân xã thảo luận.

10. Ủy ban nhân dân xã giải trình một số vấn đề cần làm rõ trước khi Hội đồng nhân dân xã biểu quyết thông qua các nghị quyết *(nếu có)*.

11. Thư ký kỳ họp trình bày dự thảo các Nghị quyết HĐND xã.

12. Hội đồng nhân dân xã biểu quyết thông qua các Nghị quyết.

13. Chủ tọa phát biểu bế mạc Kỳ họp.

14. Chào cờ, cử Quốc ca.

* Ghi chú: Tài liệu Kỳ họp được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của xã tại địa chỉ: <https://iagrai.gialai.gov.vn> chuyên mục Tài liệu Kỳ họp Hội đồng nhân dân xã; đề nghị các Đại biểu tự tải xuống nghiên cứu, tham gia ý kiến tại Kỳ họp.

Số: 04 /NQ-TTHĐND

Ia Grai, ngày 4 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thành lập Tổ đại biểu HĐND và chỉ định Tổ trưởng, Tổ phó
các Tổ đại biểu HĐND xã khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026**

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Hướng dẫn số 1309/HD-UBTVQH15 ngày 11/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số nội dung về tổ chức và hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XV, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã nhiệm kỳ 2021-2026 sau sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 516/NQ-TTHĐND ngày 24/6/2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc chỉ định Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng các Ban HĐND xã Ia Grai khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026; Nghị quyết số 651/NQ-TTHĐND ngày 26/6/2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc chỉ định đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ tại xã Ia Grai nhiệm kỳ 2021 - 2026.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thành lập 03 Tổ đại biểu HĐND xã và chỉ định Tổ trưởng, Tổ phó các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã Ia Grai khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026 (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các Tổ đại biểu HĐND xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Thường trực HĐND xã; các Ban HĐND xã; Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Thường trực Đảng ủy xã (b/c);
- Ủy ban nhân dân xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Đại biểu HĐND xã khóa I;
- Lưu: VT, HĐND.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Quý

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ IA GRAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ IA GRAI KHOÁ 1, NHIỆM KỲ 2021 - 2026
TỔ 1(THỊ TRẤN IA KHA CŨ)

(Kèm theo Nghị quyết số:04/NQ-TTHĐND ngày 04 tháng 08 năm 2025)

STT	Họ và tên	Chức vụ công tác	Chỉ định Tổ trưởng, Tổ phó	Ghi chú
1	Lê Ngọc Quý	Bí Thư Đảng uỷ - Chủ tịch HĐND xã Ia Grai		ĐB được chỉ định theo NQ 654
2	Lê Công Vinh	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng uỷ - Phó Chủ tịch HĐND xã Ia Grai		
3	Nguyễn Ngọc Hùng (Đại đức Thích Giác Liêm)	Trưởng Ban trị sự GHPGVN Ia Grai		ĐB được chỉ định theo NQ 654
4	Đào Lân Hưng	Đại biểu		ĐB được chỉ định theo NQ 654 - xin nghỉ hưu trước tuổi theo chế độ 178
5	Dương Thị Mộng Loan	Đại biểu		ĐB được chỉ định theo NQ 654 - xin nghỉ hưu trước tuổi theo chế độ 178
6	Nguyễn Đình Huân	Đại biểu		ĐB được chỉ định theo NQ 654 - xin nghỉ hưu trước tuổi theo chế độ 178
7	Thái Văn Ngự	Phó trưởng phòng VHXX xã Ia Grai	Tổ trưởng	
8	Bùi Thị Nga	Chuyên viên MTTQVN xã Ia Grai	Tổ phó	

STT	Họ và tên	Chức vụ công tác	Chỉ định Tổ trưởng, Tổ phó	Ghi chú
9	Phan Văn Giáp	Phó CT UBMTTQVN xã kiêm Bí thư ĐTN xã		
10	Trịnh Thị Danh	Phó Chánh Văn phòng Đảng ủy xã Ia Grai		
11	Nguyễn Đình Tuấn	UV UBKT Đảng ủy xã Ia Grai		
12	Nguyễn Xuân Hòa	CV phòng Kinh tế xã Ia Grai		
13	Nguyễn Thị Thu	Chuyên viên TTHCC xã Ia Grai		
14	Vũ Đức Văn	Chuyên viên MTTQVN xã Ia Grai		
15	Ksor Thí	Đại biểu		Xin nghỉ chế độ
16	Trần Ngọc Thanh	Công dân TDP 1, xã Ia Grai		
17	Hoàng Văn Thắng	BTCB, TT TDP 2, xã Ia Grai		
18	Chu Thành Nhơn	BTCB, TT TDP 3, xã Ia Grai		
19	Đỗ Ngọc Kiên	BTCB, TT TDP 4, xã Ia Grai		
20	Mai Văn Ninh	BTCB, TT TDP 7, xã Ia Grai		
21	Phạm Văn Nhật	Công dân thôn Thắng Trạch 1, xã Ia Grai		
22	Nguyễn Đức Dũng	Công dân thôn Thắng Trạch 2, xã Ia Grai		
23	Nguyễn Xuân Tâm	Công dân Thôn 1, xã Ia Grai		
24	Đỗ Văn Cung	Công dân Thôn 2, xã Ia Grai		
25	Ksor Han	BTCB, TT Làng Yam, xã Ia Grai		
26	Rơ Châm Bóp	BTCB, TT Làng Kép, xã Ia Grai		
27	Nguyễn T. Hải Yến	Đại biểu		
28	Lê Văn Nhân	Công an xã Ia Grai		

STT	Họ và tên	Chức vụ công tác	Chỉ định Tổ trưởng, Tổ phó	Ghi chú
29	Hoàng Văn Đức	Đại biểu		Chuyên công tác xã Ia Hrun
30	Đinh Thị Dưa	Giáo viên		

Người lập



Lê Thị Thu Hiền

Ia Grai, ngày 04 tháng 8 năm 2025

TM. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Công Vinh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ IA GRAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ IA GRAI KHOÁ 1, NHIỆM KỲ 2021 - 2026
TỔ 2(XÃ IA BẮC CŨ)

(Kèm theo Nghị quyết số:04/NQ-TTHĐND ngày 04 tháng 08 năm 2025)

ST T	Họ và tên	Chức vụ công tác	Chỉ định Tổ trưởng, Tổ phó	Ghi chú
1	Nguyễn Xuân Bồn	Chủ tịch MTTQVN xã Ia Grai		
2	Rơ Châm Tin	Phó CT UBND xã Ia Grai		ĐB được chỉ định theo NQ 654
3	Trần Văn Yên	Chánh Văn phòng Đảng ủy xã Ia Grai		
4	Trịnh Thị Thắm	Giám đốc Trung tâm chính trị xã Ia Grai		ĐB được chỉ định theo NQ 654
5	Vũ Đình Bạo	Phó trưởng Ban VH -XH HĐND xã Ia Grai	Tổ trưởng	
6	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Phó CTMTTQVN, kiêm CT HLHPN xã Ia Grai	Tổ phó	
7	Puih HLáo	UV UBKT Đảng ủy xã Ia Grai		
8	Đỗ Ngọc Nguyên	Chỉ huy trưởng BCHQS xã Ia Grai		
9	Puih Mân	Chuyên viên MTTQVN xã Ia Grai		
10	Nguyễn Thị Tuyên	Chuyên viên VPHĐND - UBND xã Ia Grai		
11	Rơ Châm Woong	Đại biểu		
12	Nguyễn Tấn Lan	Phó Công an xã Ia Grai		
13	Hoàng Văn Nghiêm	Đại biểu		ngỉ chế độ
14	Nguyễn Thị Hà	Chuyên viên TTHCC xã Ia Grai		
15	Trần Thanh An	TT làng Păng Go- Phù Tiên, xã Ia Grai		

ST T	Họ và tên	Chức vụ công tác	Chỉ định Tổ trưởng, Tổ phó	Ghi chú
16	Nguyễn Trọng Cảnh	BTCB Thôn Hợp Thành, xã Ia Grai		
17	Nguyễn Minh Dược	BTCB làng Dun De, xã Ia Grai		
18	Puih Guêh	Thôn phó Làng Ngai Yố, xã Ia Grai		
19	Nguyễn Văn Hùng	BTCB, TT Thôn Chư Hậu 6		
20	Đoàn Đức Lý	PBT chi bộ Thôn Thanh Bình		
21	Nguyễn Thị Hồng Nhi	Hiệu trưởng Trường MG 15/5		
22	Nguyễn Văn Phú	CHTHCCB làng Út 2, xã Ia Grai		
23	Puih Ty	TT Làng Bẹk, xã Ia Grai		

Người lập

Lê Thị Thu Hiền

Ia Grai, ngày 04 tháng 8 năm 2025

TM. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Công Vinh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ IA GRAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ IA GRAI KHOÁ 1, NHIỆM KỲ 2021 - 2026
TỔ 3(XÃ IA GRĂNG CỬ)

(Kèm theo Nghị quyết số: 04/NQ-TTHĐND ngày 04 tháng 08 năm 2025)

ST T	Họ và tên	Chức vụ công tác	Chỉ định Tổ trưởng, Tổ phó	Ghi chú
1	Đỗ Văn Đông	Phó Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch UBND xã Ia Grai		ĐB được chỉ định theo NQ 654
2	Nguyễn Xuân Sáu	CNUBKT Đảng uỷ xã Ia Grai		ĐB được chỉ định theo NQ 654
3	Trịnh Bá Hoa	Trưởng Ban xây dựng Đảng xã Ia Grai		ĐB được chỉ định theo NQ 654
4	Nguyễn Văn Huy	Chánh án Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Gia Lai		ĐB được chỉ định theo NQ 654
5	Trần Vũ Hùng	Phó CVP Đảng uỷ xã Ia Grai		
6	Lê Quang Đạo	Phó trưởng Ban KT - NS HĐND xã Ia Grai	Tổ trưởng	
7	Ngô Tiến Cường	UV UBKT Đảng uỷ xã Ia Grai		
8	Trần Văn Minh	Trợ lý BCHQS xã Ia Grai		
9	Đoàn Thị Vân	Phó CT MTTQVN kiêm CT Hội Nông dân xã	Tổ phó	
10	Ksor Thiên	Cán bộ Công an xã Ia Grai		

ST T	Họ và tên	Chức vụ công tác	Chỉ định Tổ trưởng, Tổ phó	Ghi chú
11	Võ Thị Thu Hiền	Chuyên viên VP HĐND - UBND		
12	Rơ Mah Yih	Đại biểu		Nghỉ chế độ
13	Puih Boch	BTCB, TT làng Gộc, xã Ia Grai		
14	Puih Đim	TT làng Hlũh, xã Ia Grai		
15	Puih Hláp	BTCB, TT làng Châm, xã Ia Grai		
16	Puih Peng	BTCB, TT làng Khốp, xã Ia Grai		
17	Lê Sỹ Thiêng	Chuyên viên MTTQVN xã Ia Grai kiêm BTCB, TT làng Orê 2.		
18	Rơ Măh Thúy	TT Làng Orê 1, xã Ia Grai		
19	Nguyễn Hữu Thương	Đại biểu		
20	Rơ Mah Úy	BT, TT làng Mèo, xã Ia Grai		

Người lập

Lê Thị Thu Hiền

Ia Grai, ngày 04 tháng 8 năm 2025

TM. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Công Vinh

Số: 07 /TTr-TTHĐND

Ia Grai, ngày 06 tháng 8 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân
xã Ia Grai khoá I, nhiệm kỳ 2021 – 2026**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã Ia Grai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15 ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân;

Thường trực Hội đồng nhân dân xã Ia Grai kính trình Hội đồng nhân dân xã Ia Grai ban hành Nghị quyết về Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân xã Ia Grai khóa I, nhiệm kỳ 2021 – 2026.

(Kèm theo dự thảo nghị quyết ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân xã Ia Grai khóa I, nhiệm kỳ 2021 – 2026)

Thường trực Hội đồng nhân dân xã kính trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BTV Đảng ủy xã Ia Grai;
- Thường trực HĐND xã Ia Grai;
- UBND xã Ia Grai;
- UBMTTQ Việt Nam xã Ia Grai;
- Các Ban HĐND xã Ia Grai;
- Đại biểu HĐND xã Ia Grai;
- Lưu: VT

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Công Vinh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ IA GRAI**

Số: /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ia Grai, ngày tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân xã Ia Grai
khóa I, Nhiệm kỳ 2021 – 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ IA GRAI
KỲ HỌP THỨ HAI, KHÓA I, NHIỆM KỲ 2021 - 2026**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015;

Căn cứ Hướng dẫn số 1309/HD-UBTVQH15 ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Hướng dẫn một số nội dung về tổ chức và hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XV, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã nhiệm kỳ 2021 – 2026 sau sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Xét tờ trình số:07/TTr-TTHĐND ngày 06 tháng 08 năm 2025 của Thường trực HĐND xã về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân xã Ia Grai khóa I, nhiệm kỳ 2021 – 2026; Báo cáo thẩm tra số /BC-BVHXH ngày ... tháng... năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân xã Ia Grai khóa I, nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Điều 2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã, các đại biểu Hội đồng nhân dân xã và các cơ quan tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Ia Grai Khóa I, Kỳ họp thứ Hai (Chuyên đề) thông qua và có hiệu lực từ ngày ... tháng 08 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh
- TT Đảng ủy, UBND xã;
- UB MTTQVN xã;
- Các phòng, ban, đơn vị liên quan;
- Các tổ dân phố và thôn, làng;
- Lưu: VT . HĐND

**TM. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Ngọc Quý

QUY CHẾ

Làm việc của Hội đồng nhân dân xã

Ia Grai khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026

*(kèm theo Nghị quyết số: /2025/NQ-HĐND ngày tháng 8 năm 2025
của Hội đồng nhân dân xã Ia Grai)*

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về nguyên tắc, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, trình tự hoạt động, mối quan hệ công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân xã khóa I; việc tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân xã và các điều kiện bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân xã Ia Grai khóa I, nhiệm kỳ 2021 -2026. Những nội dung không quy định trong Quy chế này thực hiện theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân 2015 và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Đại biểu Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có mối quan hệ công tác với Hội đồng nhân dân xã.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng nhân dân xã

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, công khai, minh bạch, phục vụ Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân.

2. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân xã làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số. Hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân xã được bảo đảm bằng hiệu quả của các kỳ họp Hội đồng nhân dân, hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, các đại biểu Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các cơ quan, tổ chức khác.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân là cơ quan Thường trực của Hội đồng nhân dân xã, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, các quy định khác của luật có liên quan và Quy chế này; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác với Hội đồng nhân dân xã

4. Ban của Hội đồng nhân dân xã là cơ quan của Hội đồng nhân dân xã, chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của luật và Quy chế này; báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân xã; ban hành văn

bản và được sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân xã để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định.

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của luật; được bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã

CHƯƠNG II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 3. Vị trí, vai trò của Hội đồng nhân dân xã

Hội đồng nhân dân xã Ia Grai khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026 gồm 73 đại biểu được hình thành theo Nghị quyết số 1664/NQ/UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025, là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân trong xã, chịu trách nhiệm trước Nhân dân trong xã và cơ quan nhà nước cấp trên.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã

1. Hội đồng nhân dân xã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 21 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 và quy định tại các luật, văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Hội đồng nhân dân xã thực hiện lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm theo quy định tại Điều 37 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

Điều 5. Nhiệm vụ của đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

Thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 33 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; từ Điều 83 đến Điều 87 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015 và các nhiệm vụ sau:

1. Tham dự đầy đủ các kỳ họp của Hội đồng nhân dân xã; tích cực nghiên cứu, tham gia ý kiến vào dự kiến nội dung, chương trình và tài liệu phục vụ kỳ họp được gửi qua hộp thư điện tử của đại biểu Hội đồng nhân dân xã. Tại mỗi kỳ họp, Đại biểu Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm chuẩn bị và tham gia ý kiến thảo luận các nội dung của kỳ họp tại Tổ hoặc tại Hội trường; thực hiện giám sát thông qua hoạt động chất vấn theo quy định. Các ý kiến thực hiện chất vấn của đại biểu được gửi trước cho Tổ trưởng Tổ đại biểu và Thư ký kỳ họp để tổng hợp. Đại biểu có trách nhiệm chấp hành nghiêm túc Nội quy kỳ họp Hội đồng nhân dân xã Ia Grai khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

2. Liên hệ chặt chẽ với cử tri ở đơn vị bầu cử bầu ra mình, chịu sự giám sát của cử tri, thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng của cử tri; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cử tri. Thực hiện nghiêm túc việc tiếp xúc cử tri theo chỉ đạo của Thường trực Hội đồng nhân dân xã và kế hoạch của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã, có trách nhiệm tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri phản

ánh đến Thường trực Hội đồng nhân dân xã và chịu trách nhiệm về nội dung tổng hợp của mình trước Thường trực Hội đồng nhân dân xã và trước cử tri nơi đại biểu thực hiện tiếp xúc cử tri. Thường xuyên đổi mới tiếp xúc cử tri theo các hình thức như: tiếp xúc cử tri qua các cuộc họp tại nơi cư trú, nơi công tác; tiếp xúc cử tri điện tử, tiếp xúc cử tri bằng hình thức đối thoại trực tiếp. Thường xuyên theo dõi kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan để kịp thời thông báo đến cử tri biết.

3. Hàng tháng, đại biểu Hội đồng nhân dân xã thực hiện tiếp công dân theo quy định của pháp luật, kế hoạch tiếp công dân của Thường trực Hội đồng nhân dân xã và lịch tiếp công dân của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã. Trường hợp không thể thực hiện được nhiệm vụ tiếp công dân theo lịch tiếp công dân đã được công bố thì đại biểu Hội đồng nhân dân xã có thể thực hiện tiếp công dân riêng lẻ nhưng phải đảm bảo chấp hành đúng các quy định của Luật tiếp công dân. Thông qua việc tiếp công dân hoặc khi nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, đại biểu Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm nghiên cứu, hướng dẫn công dân gửi khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đến đúng cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết. Trong trường hợp cần thiết, Đại biểu Hội đồng nhân dân xã trực tiếp hoặc thông qua Thường trực Hội đồng nhân dân xã chuyển đơn đến cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền giải quyết; thông báo cho người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh biết và theo dõi, đôn đốc, giám sát việc giải quyết. Hàng tháng báo cáo kết quả với Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân để tổng hợp, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

4. Tham gia giám sát theo chương trình, kế hoạch giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân xã (nếu được mời tham gia) và thực hiện chức năng giám sát của đại biểu Hội đồng nhân dân xã đối với các tổ chức và cá nhân trong việc tuân thủ pháp luật trong cơ quan, đơn vị và địa phương nơi cư trú.

5. Tích cực tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy đảng, các văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp. Tham dự đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ dành riêng cho đại biểu Hội đồng nhân dân xã theo kế hoạch của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

Điều 6. Quyền của đại biểu Hội đồng nhân dân xã

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã được thông tin về dự kiến, nội dung, chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân xã; được nhận văn bản gửi trước cho Đại biểu để nghiên cứu, chuẩn bị ý kiến tham gia thảo luận và chất vấn tại kỳ họp.

2. Đại biểu có quyền gửi kiến nghị nội dung giám sát đến Tổ trưởng, Tổ đại biểu, các Ban Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân xã và được quyền tham gia các đoàn giám sát, khảo sát của Thường trực, các Ban, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã hoặc của Hội đồng nhân dân xã.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã thực hiện quyền chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã bằng cách gửi Phiếu chất vấn đến chủ tọa kỳ họp thông qua Đoàn thư ký kỳ họp. Trình tự, thủ tục chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp, phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã được thực hiện theo Điều 60 và Điều 69 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015.

Điều 7. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã tạm đình chỉ, thôi làm nhiệm vụ đại biểu, bãi nhiệm và mất quyền đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện theo Điều 38 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

CHƯƠNG III

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 8. Thường trực Hội đồng nhân dân xã

Thường trực Hội đồng nhân dân xã là cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân, thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, các quy định khác của pháp luật có liên quan và quy định tại Quy chế này; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân xã. Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và các Ủy viên là Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân xã.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân xã

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 31 của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 và một số nhiệm vụ sau:

1. Báo cáo tháng, quý, 6 tháng và hàng năm về tình hình tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân xã, thường trực HĐND theo quy định; báo cáo chuyên đề khác theo chương trình kỳ họp được Hội đồng nhân dân xã thông qua.
2. Tổ chức Hội nghị trao đổi kinh nghiệm hoạt động theo kế hoạch hàng năm và theo kế hoạch của HĐND tỉnh (nếu có).

Điều 10. Các phiên họp, hội nghị làm việc của Thường trực Hội đồng nhân dân xã

1. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân là hình thức hoạt động chủ yếu của Thường trực Hội đồng nhân dân. Tại phiên họp, Thường trực Hội đồng nhân dân xã thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tổ chức họp mỗi tháng một lần (vào ngày 25 hàng tháng, nếu trùng vào ngày nghỉ lễ hoặc thứ bảy, chủ nhật thì chuyển sang ngày làm việc kế tiếp) để thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật; khi xét thấy cần thiết, có thể họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã.

3. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân xã tham dự. Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm tham gia đầy đủ các phiên họp, nếu vì lý do đặc biệt không thể tham gia thì phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định.

4. Chánh Văn phòng HĐND – UBND có trách nhiệm chỉ đạo việc tham mưu chuẩn bị nội dung, chương trình và tài liệu phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân xã. Dự thảo văn bản phải gửi vào hộp thư cá nhân của đại biểu trước 02 ngày tổ chức phiên họp để các đại biểu nghiên cứu, chuẩn bị ý kiến tham gia. Sau khi kết thúc phiên họp chỉ đạo việc hoàn chỉnh văn bản để trình ký ban hành, đồng thời ký thông báo kết luận sau mỗi phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

5. Khi cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân xã tổ chức các hội nghị, cuộc họp, cuộc làm việc với các cơ quan, TDP, thôn, làng để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các thành viên khác của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 32 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 và một số nhiệm vụ sau:

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã:

a) Chỉ đạo điều hành toàn bộ hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân xã. Chịu trách nhiệm trước Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Đảng ủy xã, Hội đồng nhân dân xã về thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân xã theo quy định của pháp luật;

b) Đại diện Hội đồng nhân dân xã trong quan hệ với Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, các sở ban ngành tỉnh, Hội đồng nhân dân các xã, phường trong và ngoài tỉnh. Giữ mối liên hệ giữa Thường trực Hội đồng nhân dân xã với Thường trực Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã và Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã;

c) Phân công nhiệm vụ cho Phó Chủ tịch, các Ủy viên của Thường trực Hội đồng nhân dân xã để đảm bảo hoạt động thường xuyên của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân xã theo quy định của pháp luật;

d) Ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã: Giúp Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã về kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.

3. Các Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân xã:

a) Chấp hành sự phân công của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã;

b) Có trách nhiệm tham dự đầy đủ các phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân xã, trường hợp vì lý do đặc biệt không thể tham dự thì phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định; tham gia thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

Điều 12. Phạm vi, thẩm quyền ký văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân xã

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã ký các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, Biên bản kỳ họp Hội đồng nhân dân xã; ký phê chuẩn kết quả bầu Phó trưởng các Ban và Ủy viên các Ban HĐND xã; các Nghị quyết của Thường trực HĐND xã và các văn bản gửi Thường trực HĐND tỉnh, UBND xã, các sở, ban, ngành, đoàn thể ở tỉnh.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã thay mặt Thường trực Hội đồng nhân dân xã ký các văn bản, báo cáo định kỳ, đột xuất thuộc lĩnh vực phân công phụ trách và ký các văn bản khác theo sự phân công, ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã.

3. Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân thay mặt Thường trực Hội đồng nhân dân xã ký các báo cáo và các văn bản thuộc lĩnh vực phụ trách hoặc các văn bản, công việc khác khi được Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã phân công hoặc ủy quyền.

Điều 13. Giải quyết những vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

Việc giải quyết những vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân xã được thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị quyết 629/2019/UBTVQH14 và hướng dẫn tại Nghị quyết 594/2019/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và thực hiện theo một số quy định sau:

1. Đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân xã có tính cấp bách, cần quyết định ngay, phát sinh trong thời gian giữa 02 kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân xã thì Thường trực Hội đồng nhân dân xã tự mình hoặc theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã quyết định triệu tập Kỳ họp chuyên đề của Hội đồng nhân dân để xem xét, quyết định.

2. Đối với những nội dung cần phải giải quyết kịp thời để đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh mà theo quy định của pháp luật hiện hành thuộc thẩm quyền của Thường trực Hội đồng nhân dân xã phát sinh giữa hai kỳ họp thì phân công cho lãnh đạo các Ban Hội đồng nhân dân xã nghiên cứu, thẩm tra, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng Ban. Báo cáo thẩm tra của Ban Hội đồng nhân dân xã được gửi về Thường trực Hội đồng nhân dân xã chậm nhất trước 01 ngày tổ chức phiên họp thường kỳ hàng tháng.

3. Quy trình thẩm tra của các Ban về các nội dung phát sinh giữa hai kỳ họp được thực hiện theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 và Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân 2015.

4. Quy trình cho ý kiến về các nội dung phát sinh giữa hai kỳ họp của Thường trực Hội đồng nhân dân xã, như sau: Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm tra của Ban Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã tổ chức phiên họp xem xét cho ý kiến về những vấn đề thuộc thẩm quyền của mình theo quy định của pháp luật. Việc cho ý kiến được Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét, thảo luận tại phiên họp thường kỳ hàng tháng hoặc họp đột xuất khi cần thiết. Thường trực Hội đồng nhân dân xã thống nhất cho ý kiến vào nội dung trình phiên họp bằng hình thức biểu quyết. Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân xã có quyền biểu quyết nhất trí hoặc không nhất trí. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín. Quyết định của Thường trực Hội đồng nhân dân xã phải được quá nửa tổng số thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân xã biểu quyết tán thành. Trường hợp số tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định theo ý kiến biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã.

Điều 14. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động các Ban của Hội đồng nhân dân xã

Thường trực Hội đồng nhân dân xã chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của các Ban của Hội đồng nhân dân xã theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 và Điều 75 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân và các quy định sau:

1. Phân công các Ban Hội đồng nhân dân xã thẩm tra các dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình kỳ họp Hội đồng nhân dân xã và các tờ trình của Ủy ban nhân dân xã trình xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân xã giữa 2 kỳ họp.

2. Phân công các Ban Hội đồng nhân dân xã tham gia hoạt động giám sát Quyết định của Ủy ban nhân dân xã

3. Phân công các Ban Hội đồng nhân dân xã thực hiện một số nội dung thuộc chương trình giám sát, khảo sát của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

4. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp chương trình hoạt động của các Ban Hội đồng nhân dân xã; đề nghị các Ban Hội đồng nhân dân xã điều chỉnh kế hoạch giám sát, khảo sát của Ban, bảo đảm hoạt động giám sát, khảo sát không bị trùng lặp và đôn đốc Ban hoạt động. Xem xét kết quả giám sát của các Ban Hội đồng nhân dân xã khi xét thấy cần thiết.

5. Tham dự cuộc họp của các Ban Hội đồng nhân dân xã hoặc mời các thành viên Ban của Hội đồng nhân dân xã tham gia hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

6. Phê chuẩn danh sách Ủy viên của Ban Hội đồng nhân dân xã theo đề nghị của Trưởng ban Hội đồng nhân dân xã.

Điều 15. Chỉ đạo hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã phân công đại biểu Hội đồng nhân dân xã sinh hoạt theo Tổ đại biểu; chỉ định Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu; đánh giá, xếp loại đại biểu Hội đồng nhân dân xã và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã hàng năm.

2. Phân công Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát theo quy định của pháp luật.

3. Đôn đốc các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã trong việc tổ chức đề đại biểu Hội đồng nhân dân xã tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, nguyện vọng của cử tri.

Điều 16. Nhiệm vụ của Thường trực Hội đồng nhân dân xã trong hoạt động tiếp xúc cử tri

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã xây dựng kế hoạch tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân xã trước và sau mỗi kỳ họp thường lệ Hội đồng nhân dân xã.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã chỉ đạo Văn phòng HĐND-UBND xây dựng đề cương tiếp xúc cử tri đảm bảo ngắn gọn, tập trung vào những nội dung chính liên quan đến tình hình kinh tế - xã hội của xã, những nội dung trọng tâm trong kỳ họp Hội đồng nhân dân xã và những vấn đề cử tri quan tâm.

Điều 17. Nhiệm vụ của Thường trực Hội đồng nhân dân xã trong hoạt động giám sát, khảo sát

Thực hiện giám sát theo các quy định từ Điều 66 đến Điều 74 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015 và thực hiện các quy định sau:

1. Phân công các Ban của Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã khảo sát, giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã tại địa phương hoặc về các vấn đề khác theo quy định.

2. Chỉ đạo, tổ chức việc giám sát tại các kỳ họp thông qua xem xét các Báo cáo, Đề án, Tờ trình và hoạt động chất vấn, trả lời chất vấn của đại biểu, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã. Kiểm tra, đôn đốc hoặc tổ chức giám sát các cơ quan liên quan trả lời các ý kiến chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân xã được nêu tại kỳ họp trước nhưng chưa được giải trình hoặc đã có lời hứa thực hiện trước Hội đồng nhân dân xã.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân xã tổ chức giám sát lại việc thực hiện các kiến nghị sau giám sát khi thấy cần thiết.

Điều 18. Nhiệm vụ của Thường trực Hội đồng nhân dân xã trong hoạt động tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân

Thực hiện tiếp công dân theo quy định Luật Tổ chức chính quyền địa phương; các quy định liên quan của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và các quy định sau:

1. Về tiếp công dân:

a) Thường trực Hội đồng nhân dân xã xây dựng kế hoạch và phân công các thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân xã tiếp công dân định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, tại trụ sở Ban Tiếp công dân xã (nếu trùng vào ngày lễ, ngày nghỉ thì chuyển sang ngày làm việc kế tiếp). Ngoài ra, Thường trực Hội đồng nhân dân xã tổ chức tiếp công dân thường xuyên tại cơ quan khi có công dân yêu cầu.

b) Mỗi quý ít nhất một lần (01 ngày), đại biểu Hội đồng nhân dân xã thực hiện tiếp công dân nơi ứng cử theo sự bố trí của Thường trực Hội đồng nhân dân xã (trên cơ sở lịch tiếp công dân của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã) hoặc tiếp đột xuất theo yêu cầu của công dân.

c) Thường trực Hội đồng nhân dân xã gửi lịch tiếp công dân đến Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã; trường hợp cần thiết, mời đại diện các cơ quan, ban ngành, đơn vị, tổ chức liên quan cùng tham dự tiếp công dân.

2. Về xem xét giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân: Khi nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân, Thường trực Hội đồng nhân dân xã nghiên cứu, xem xét, chuyển đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết và trả lời cho công dân. Trong trường hợp cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân xã tổ chức Đoàn giám sát, khảo sát hoặc giao cho Ban của Hội đồng nhân dân xã giám sát, khảo sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo kiến nghị của công dân theo quy định tại Điều 73 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

3. Chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã có hướng giải quyết đối với những vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài của tổ chức, công dân khi cần thiết.

4. Theo dõi, giám sát việc giải quyết của các cơ quan liên quan đến kết quả cuối cùng.

CHƯƠNG IV
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC
CỦA CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 19. Ban của Hội đồng nhân dân xã

1. Ban của Hội đồng nhân dân xã là cơ quan của Hội đồng nhân dân xã có nhiệm vụ thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trước khi trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định; giám sát, kiến nghị về những vấn đề thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân xã.

2. Hội đồng nhân dân xã thành lập 02 Ban: Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội. Mỗi Ban Hội đồng nhân dân xã gồm 05 thành viên, trong đó: Trưởng Ban hoạt động kiêm nhiệm, 01 Phó Trưởng Ban hoạt động chuyên trách (trừ trường hợp công tác cán bộ của xã có quy định khác), 03 Ủy viên hoạt động kiêm nhiệm. Thành viên các Ban của Hội đồng nhân dân xã chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban trước Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã và chịu trách nhiệm cá nhân trước Ban của Hội đồng nhân dân xã về nhiệm vụ, quyền hạn được Ban phân công.

3. Ban của Hội đồng nhân dân xã hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thảo luận tập thể và quyết định theo đa số; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Thường trực Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân xã.

Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban của Hội đồng nhân dân xã

1. Tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp của Hội đồng nhân dân xã liên quan đến lĩnh vực phụ trách.

2. Thực hiện thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình tại kỳ họp theo quy định tại điểm 3 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Điều 78 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân và các quy định sau:

a) Chậm nhất là 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, các Ban tổ chức họp thẩm tra các báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết thuộc lĩnh vực của Ban hoặc theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

b) Để chuẩn bị cho công tác thẩm tra, Ban phân công các thành viên tham gia nghiên cứu dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án... Yêu cầu cơ quan soạn thảo và các cơ quan hữu quan cung cấp tài liệu và làm rõ vấn đề mà Ban thẩm tra; tổ chức lấy ý kiến của những người am hiểu về vấn đề đó; khảo sát tình hình thực tế tại địa bàn về những nội dung liên quan đến nội dung cần thẩm tra.

c) Nội dung thẩm tra phải nêu được ý kiến đánh giá của Ban về báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết; những vấn đề được Ban nhất trí, không nhất trí và các ý kiến khác nhau; những nội dung cần đề nghị sửa đổi, bổ sung; các căn cứ đồng tình, không đồng tình theo phản biện của Ban.

d) Trưởng ban có trách nhiệm báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã về kết quả thẩm tra của Ban về những vấn đề còn có ý kiến khác nhau để Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét. Báo cáo thẩm tra của Ban phải gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân, các vị đại biểu Hội đồng nhân dân xã chậm nhất là 03 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ và 01 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp chuyên đề.

3. Thực hiện hoạt động giám sát theo quy định từ Điều 76 đến Điều 82 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, ngoài ra còn thực hiện một số quy định sau:

a) Căn cứ vào nghị quyết về chương trình giám sát hàng năm của Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã và ý kiến các thành viên. Các Ban Hội đồng nhân dân xã quyết định chương trình giám sát hàng quý, tháng của mình.

b) Để chuẩn bị cho việc giám sát, Ban thu thập tài liệu, tình hình thực tế để xây dựng nội dung, kế hoạch giám sát. Tất cả thành viên phải nghiên cứu trước tài liệu, chuẩn bị ý kiến phát biểu tại các buổi làm việc tập thể của Ban. Trước khi tiến hành giám sát phải thông báo nội dung, thành phần giám sát cho cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là 10 ngày trước ngày đoàn làm việc với các cơ quan chịu sự giám sát.

c) Chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc giám sát, các Ban có thông báo kết quả giám sát bằng văn bản về các vấn đề giám sát để gửi cho các đơn vị được giám sát, Thường trực Hội đồng nhân dân xã và các cơ quan liên quan. Đồng thời theo dõi kết quả thực hiện các kiến nghị theo thông báo kết quả giám sát đối với đơn vị chịu sự giám sát nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động giám sát.

d) Ban Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm tham gia đoàn giám sát, khảo sát hoặc tổ chức đoàn giám sát, khảo sát về các lĩnh vực của Ban khi cấp có thẩm quyền yêu cầu.

4. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các Ban Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm giúp Thường trực Hội đồng nhân dân xã nghiên cứu và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân; giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân thuộc lĩnh vực Ban phụ trách.

5. Khi có thông tin về các vi phạm pháp luật trong lĩnh vực Ban phụ trách, Ban có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan giải trình. Trong trường hợp cần thiết Ban có thể thành lập đoàn giám sát để làm rõ vụ việc.

6. Khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về các nội dung thuộc lĩnh vực Ban phụ trách hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân xã phân công.

7. Kiến nghị với Hội đồng nhân dân xã những vấn đề cần thiết liên quan đến lĩnh vực Ban phụ trách khi phát hiện những vấn đề sai phạm, thiếu sót cần khắc phục; những chủ trương, biện pháp cần phải sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp.

8. Kiến nghị với Thường trực Hội đồng nhân dân xã để Hội đồng nhân dân xã bổ sung, thay đổi phó ban, Ủy viên của Ban Hội đồng nhân dân xã và cử thành viên Ban tham gia đoàn công tác, giám sát, khảo sát của Hội đồng nhân dân xã theo chỉ đạo của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

9. Chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân xã; trong thời gian Hội đồng nhân dân xã không họp thì báo cáo công tác trước Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Ban của Hội đồng nhân dân xã

1. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Trưởng Ban

a) Chỉ đạo, điều hành công việc của Ban; thay mặt Ban ký các văn bản do Ban phát hành;

b) Chỉ đạo việc chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc và chủ trì cuộc họp của Ban, chỉ đạo công tác chuyên môn của Ban; Trưởng Ban và Phó trưởng Ban chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức thực hiện chương trình công tác của Ban và tham gia một số hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân xã khi có yêu cầu. Trường hợp thời gian thực hiện công việc do Thường trực Hội đồng nhân dân xã phân công trùng lặp với thời gian thực hiện công việc của Ban, Trưởng Ban có trách nhiệm điều hòa, sắp xếp, phân công cho phù hợp.

c) Giữ mối liên hệ với các thành viên của Ban và thay mặt Ban giữ mối liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân xã và các Ban khác của Hội đồng nhân dân xã, các cơ quan tổ chức ở xã, các thôn, làng, TDP và các tổ chức của Trung ương, của tỉnh đóng trên địa bàn;

d) Báo cáo kết quả hoạt động của Ban với Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã;

e) Thay mặt Ban tham dự các cuộc họp liên quan nội dung thuộc lĩnh vực Ban phụ trách do UBND xã và cơ quan hữu quan mời;

f) Tổ chức hoạt động giám sát, khảo sát của Ban Hội đồng nhân dân xã;

g) Trình bày báo cáo thẩm tra, báo cáo kết quả giám sát tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã;

h) Phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các thành viên của Ban phụ trách; phân công Phó trưởng Ban giúp Trưởng ban điều hành các công việc thường xuyên của Ban Hội đồng nhân dân xã.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Phó Trưởng ban

a) Giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ và được phân công phụ trách một số công việc của Ban; khi Trưởng Ban vắng mặt thì Phó Trưởng ban được Trưởng ban ủy quyền điều hành công việc của Ban.

b) Được quyền ký các văn bản của Ban và tổ chức hoạt động của Ban khi Trưởng Ban phân công.

c) Chủ động giải quyết công việc của Ban trong phạm vi thẩm quyền được phân công; định kỳ chủ động báo cáo công việc đã thực hiện và dự kiến nhiệm vụ thời gian tới với Trưởng ban.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy viên của Ban

a) Ủy viên của Ban Hội đồng nhân dân xã chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban trước Hội đồng nhân dân xã, Thường trực

HĐND xã và chịu trách nhiệm cá nhân trước Ban của Hội đồng nhân dân xã về nhiệm vụ, quyền hạn được Ban phân công.

b) Mỗi Ủy viên của Ban có trách nhiệm chấp hành theo sự phân công của Ban và Trưởng Ban; tham gia đầy đủ các hoạt động của Ban; tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban, các cuộc giám sát, khảo sát và các cuộc làm việc khác của Ban; thực hiện các nhiệm vụ được Trưởng ban phân công; đề xuất, kiến nghị các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ được giao.

c) Khi thảo luận, Ủy viên Ban có quyền phát biểu ý kiến của mình. Ý kiến của đa số Ủy viên sẽ là ý kiến chính thức của tập thể Ban. Cá nhân được quyền bảo lưu ý kiến của mình nhưng không được phát biểu ý kiến trái với quyết định của tập thể Ban.

d) Các Ủy viên Ban được tham gia các lớp tập huấn, hội thảo, nghiên cứu, khảo sát, trao đổi kỹ năng và kinh nghiệm hoạt động theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân, Trưởng ban nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn phục vụ công tác.

Điều 22. Chế độ làm việc của Ban Hội đồng nhân dân xã

1. Căn cứ chương trình hoạt động của Hội đồng nhân dân xã, Trưởng ban chỉ đạo việc xây dựng chương trình công tác quý, sáu tháng và hàng năm của Ban mình gửi cho các thành viên để chủ động bố trí, sắp xếp công việc; các thành viên Ban có quyền đề xuất nội dung, tổ chức thực hiện các hoạt động của Ban.

2. Ban họp ít nhất mỗi năm 02 lần để kiểm điểm việc thực hiện chương trình công tác của Ban và xây dựng kế hoạch công tác thời gian tiếp theo; họp để thẩm tra các nội dung theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân xã và họp đột xuất khi cần thiết. Thành viên của Ban có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban, trong trường hợp không thể tham dự được thì phải báo cáo và được sự đồng ý của Trưởng ban. Cuộc họp phải có ít nhất từ 2/3 thành viên của Ban trở lên tham dự thì mới có giá trị.

Trường hợp đặc biệt, do yêu cầu công việc của Ban, Trưởng ban hoặc Phó trưởng Ban (*được Trưởng Ban ủy quyền*) có quyền triệu tập các phiên họp đột xuất hoặc trao đổi, xin ý kiến các thành viên của Ban qua điện thoại, thư điện tử hoặc chuyển các dự thảo văn bản để thành viên đóng góp ý kiến trực tiếp.

3. Định kỳ sáu tháng, một năm, báo cáo kết quả hoạt động của Ban với Thường trực Hội đồng nhân dân xã tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã trước khi báo cáo tại kỳ họp thường lệ giữa năm và kỳ họp thường lệ cuối năm của Hội đồng nhân dân xã.

Điều 23. Quan hệ phối hợp công tác của các Ban Hội đồng nhân dân xã

1. Ban của Hội đồng nhân dân xã chịu sự lãnh đạo, kiểm tra, giám sát của Đảng bộ các cơ quan Đảng về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban theo quy định của pháp luật; đảm bảo thực hiện đúng đường lối, chủ trương, nghị quyết

của Đảng ủy, Ban thường vụ Đảng ủy và nhiệm vụ do Đảng bộ các cơ quan Đảng giao.

2. Thực hiện sự chỉ đạo, phân công, phối hợp, điều hòa của Thường trực Hội đồng nhân dân xã trong các hoạt động Hội đồng nhân dân xã.

3. Các Ban thường xuyên phối hợp công tác và trao đổi về những vấn đề có liên quan khi thực hiện nhiệm vụ; trong trường hợp có ý kiến khác nhau thì báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã quyết định.

4. Phối hợp với các Ban HĐND xã khi các cơ quan đến công tác, làm việc ở xã về lĩnh vực do Ban phụ trách.

5. Phối hợp công tác và trao đổi thông tin, kinh nghiệm hoạt động về những vấn đề có liên quan với Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân xã.

6. Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân xã, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã trong việc chuẩn bị dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân xã, dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân xã, giải quyết những vấn đề phát sinh khi thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã có liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban trong thời gian giữa hai kỳ họp.

7. Ban mời đại diện Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã cùng tham gia khi tổ chức các hoạt động khảo sát, giám sát; phối hợp trong việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và những vấn đề quan trọng ở địa phương.

CHƯƠNG V

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 24. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã

Các đại biểu Hội đồng nhân dân xã được bầu ở một hoặc nhiều đơn vị bầu cử trước sáp nhập hợp thành Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã. Số lượng thành viên Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và chỉ định Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã do Thường trực Hội đồng nhân dân xã quyết định.

Điều 25. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã

Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các quy định sau:

1. Căn cứ chương trình hoạt động hàng năm của Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã xây dựng chương trình hoạt động theo quý, 6 tháng và năm; chương trình hoạt động của các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân xã và cơ quan, tổ chức nơi đại biểu công tác.

2. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã tại địa bàn hoặc

về các vấn đề do Hội đồng nhân dân xã hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân xã phân công. Chủ động phối hợp với các thôn, làng, TDP khi giám sát tại địa bàn; tham gia các đoàn giám sát của Thường trực và các Ban của Hội đồng nhân dân xã khi được mời; giám sát thông qua việc xem xét các báo cáo của Ủy ban nhân dân và các ngành theo lĩnh vực.

3. Bàn kế hoạch công tác, thảo luận, nghiên cứu tài liệu, đóng góp ý kiến tham gia các nội dung của kỳ họp Hội đồng nhân dân xã; các báo cáo thường lệ, chuyên đề, dự thảo nghị quyết và các văn bản liên quan theo hướng dẫn của Thường trực Hội đồng nhân dân xã; phân công đại biểu Hội đồng nhân dân xã của Tổ nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị ý kiến đóng góp tham gia vào các nội dung của kỳ họp và chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã. Mời Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân, Ủy ban MTTQVN xã và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã dự họp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và tham gia ý kiến về các vấn đề có liên quan.

4. Xây dựng kế hoạch, tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân xã tiếp xúc cử tri.

5. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã có thể nêu câu hỏi chất vấn đề yêu cầu tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trả lời, giải trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã hoặc phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

Điều 26. Trách nhiệm của Tổ trưởng, Tổ phó và các thành viên Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã

1. Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã

a) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã về hoạt động của Tổ đại biểu.

b) Điều hành công việc của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã; chỉ đạo việc chuẩn bị nội dung, kế hoạch, báo cáo tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân xã trên địa bàn đại biểu ứng cử, nội dung cuộc họp của Tổ đại biểu; chủ trì các cuộc họp của Tổ đại biểu. Tổ chức hoạt động giám sát của Tổ đại biểu theo quy định tại Điều 86, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

c) Thay mặt Tổ đại biểu giữ mối liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban MTTQVN xã, Văn phòng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các cơ quan ban ngành đoàn thể và thôn, làng, TDP nơi đại biểu của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã ứng cử hoặc thực hiện nhiệm vụ đại biểu theo sự phân công của Thường trực HĐND xã.

d) Báo cáo kết quả hoạt động của Tổ đại biểu với Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

2. Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã giúp Tổ trưởng thực hiện những việc được phân công và chịu trách nhiệm trước Tổ trưởng về những nhiệm vụ được phân công.

3. Thành viên Tổ đại biểu có trách nhiệm tham gia đầy đủ các hoạt động của Tổ, thực hiện các nhiệm vụ được Tổ trưởng phân công.

Điều 27. Chế độ hội họp của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã

1. Trước mỗi kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã tổ chức phân công đại biểu trong Tổ TXCT trên địa bàn thôn, làng, TDP nơi đại biểu ứng cử; ghi nhận ý kiến, kiến nghị của cử tri; phân loại, tổng hợp gửi về Thường trực Hội đồng nhân dân để chuyển đến Ủy ban nhân dân cùng cấp tiếp thu, chỉ đạo các cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

2. Trước mỗi kỳ họp của Hội đồng nhân dân xã, các Tổ họp để thảo luận, đóng góp ý kiến đối với các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã; thống nhất nội dung, đăng ký đại biểu phát biểu thảo luận, chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã, phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

3. Cuối mỗi năm Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã tổ chức họp để kiểm điểm và xếp loại hoạt động của các đại biểu Hội đồng nhân dân xã và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã. Báo cáo kết quả về Thường trực Hội đồng nhân dân xã trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, đồng thời gửi cơ quan, tổ chức nơi đại biểu công tác. Khi họp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu mời Thường trực Hội đồng nhân dân xã và Văn phòng dự. Các cuộc họp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã đều được ghi thành biên bản và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

Điều 28. Hoạt động giám sát của Tổ đại biểu

1. Tổ đại biểu tổ chức đề đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thi hành pháp luật trên địa bàn theo quy định tại Điều 86 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

2. Căn cứ chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân xã và tình hình thực tế ở địa phương nơi các đại biểu trong Tổ ứng cử, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã chọn nội dung giám sát; thời gian, cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát, đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân xã ra quyết định thành lập Đoàn giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

3. Căn cứ quyết định thành lập Đoàn giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã xây dựng kế hoạch giám sát. Kế hoạch giám sát do Đoàn giám sát do Trưởng Đoàn ký tên và được đóng dấu của Hội đồng nhân dân xã. Kế hoạch giám sát được gửi cùng với quyết định thành lập Đoàn giám sát đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất 07 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành hoạt động giám sát.

4. Chậm nhất 10 ngày, kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, Tổ đại biểu báo cáo kết quả giám sát với Thường trực Hội đồng nhân dân xã. Báo cáo kết quả giám sát do Trưởng đoàn giám sát ký tên.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét báo cáo của Đoàn giám sát và thông báo kết quả giám sát đến các cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

5. Tổ đại biểu của Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm theo dõi kết quả các cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát giải quyết kiến nghị của Đoàn giám sát.

Điều 29. Trách nhiệm Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân trong việc tiếp xúc cử tri

1. Căn cứ vào kế hoạch tiếp xúc cử tri của Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN xã và các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch tiếp xúc cử tri cụ thể đối với các đại biểu Hội đồng nhân dân xã trong Tổ. Kế hoạch tiếp xúc cử tri phải nêu rõ mục đích, nội dung, thời gian tiếp xúc cử tri, các yêu cầu khác của việc tiếp xúc cử tri và được gửi tới Thường trực Hội đồng nhân dân xã; đồng thời, thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để cử tri và nhân dân được biết, tham gia.

2. Tổ trưởng Tổ đại biểu phân công nhiệm vụ cho các đại biểu trong Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã báo cáo với cử tri về dự kiến chương trình, nội dung kỳ họp; kết quả kỳ họp; thu thập và tổng hợp ý kiến, kiến nghị phản ánh của cử tri báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp và sau kỳ họp theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

3. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã theo dõi, đôn đốc, giám sát việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri để thông tin cho cử tri biết.

CHƯƠNG VI KỲ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 30. Thời điểm tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

1. Hội đồng nhân dân xã họp thường kỳ mỗi năm ít nhất 2 lần. Kỳ họp thường lệ giữa năm được tổ chức trước ngày 20 tháng 6, kỳ họp thường lệ cuối năm được tổ chức trước ngày 20 tháng 12.

2. Kỳ họp chuyên đề của Hội đồng nhân dân xã tổ chức theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Chủ tịch UBND xã hoặc khi có ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã yêu cầu; thời điểm họp do Thường trực Hội đồng nhân dân xã quyết định.

3. Kỳ họp tổng kết nhiệm kỳ được tổ chức chậm nhất 45 ngày trước ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã khóa I nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Điều 31. Chuẩn bị và triệu tập kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

1. Chậm nhất 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ, 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp chuyên đề Thường trực Hội đồng nhân dân xã tổ chức hội nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban MTTQVN xã, các Ban

của Hội đồng nhân dân xã và đại diện lãnh đạo các cơ quan liên quan để dự kiến nội dung, chương trình và các vấn đề liên quan đến kỳ họp.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét, phân công cơ quan, tổ chức chuẩn bị các nội dung, dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án và thời hạn trình Hội đồng nhân dân xã; chỉ đạo các Ban của Hội đồng nhân dân xã thẩm tra các nội dung, dự thảo Nghị quyết, báo cáo, đề án sẽ trình tại kỳ họp.

3. Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân xã, cơ quan trình dự thảo Nghị quyết, báo cáo phải gửi hồ sơ đến Ban của Hội đồng nhân dân xã được phân công thẩm tra để thẩm tra. Hồ sơ gửi thẩm tra đối với dự thảo Nghị quyết là văn bản áp dụng pháp luật phải gửi kèm: Tờ trình, báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với dự thảo Nghị quyết và các tài liệu khác theo yêu cầu của các Ban Hội đồng nhân dân xã.

4. Văn phòng có trách nhiệm gửi các tài liệu liên quan của kỳ họp đến đại biểu Hội đồng nhân dân xã; thông báo quyết định triệu tập và dự kiến chương trình kỳ họp trên các phương tiện thông tin ở địa phương chậm nhất là 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ và chậm nhất là 03 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp chuyên đề.

Điều 32. Trình bày các văn bản tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

Người trình bày các văn bản tại kỳ họp phải trình bày theo văn bản đã được chuẩn bị; thời gian không quá 15 phút/văn bản, trường hợp văn bản dài, nhiều nội dung chỉ trình bày tóm tắt, thời gian không quá 25 phút. Trừ trường hợp đặc biệt thời gian trình bày văn bản sẽ do Chủ tọa kỳ họp Hội đồng nhân dân xã quyết định.

Điều 33. Thảo luận tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

1. Thảo luận Tổ đại biểu:

a) Căn cứ tình hình thực tế, Thường trực Hội đồng nhân dân xã quyết định chia tổ thảo luận, chỉ định Tổ trưởng điều hành thảo luận và nêu những vấn đề cần tập trung thảo luận, đại biểu phát biểu thảo luận không quá 05 phút;

b) Việc thảo luận tại Tổ đại biểu được Thư ký Tổ ghi thành biên bản. Kết thúc phiên thảo luận, Tổ trưởng và Thư ký Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã ký xác nhận vào biên bản thảo luận Tổ và tổng hợp các ý kiến thảo luận gửi thư ký kỳ họp tổng hợp chung.

2. Thảo luận tại phiên họp toàn thể:

a) Tại phiên họp toàn thể của Hội đồng nhân dân xã, Chủ tọa phiên họp điều hành việc thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã;

- Đại biểu Hội đồng nhân dân xã phát biểu tập trung vào vấn đề đang thảo luận, không phát biểu quá 02 lần về cùng một vấn đề; thời gian phát biểu không quá 5 phút. Trường hợp Hội đồng nhân dân xã cần thảo luận thêm thì thời gian và số lần phát biểu do Chủ tọa phiên họp quyết định;

- Trường hợp do hết thời gian, đại biểu Hội đồng nhân dân xã chưa được phát biểu hoặc phát biểu nhưng chưa hết ý kiến, đề nghị đại biểu ghi lại ý kiến của mình và gửi Thư ký kỳ họp để tổng hợp.

b) Thảo luận các nội dung còn có ý kiến khác nhau: Trên cơ sở kết quả thảo luận tổ, chủ tọa kỳ họp nêu những vấn đề còn có ý kiến khác nhau để kỳ họp tiếp tục thảo luận, xem xét, quyết định. Khi cần thiết, chủ tọa kỳ họp yêu cầu cơ quan hữu quan báo cáo giải trình về những vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân xã quan tâm. Các nội dung thảo luận tại phiên họp toàn thể được thư ký kỳ họp ghi vào biên bản phiên họp Hội đồng nhân dân xã.

Điều 34. Chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

1. Chậm nhất là 03 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, đại biểu Hội đồng nhân dân xã ghi vấn đề chất vấn, người bị chất vấn vào phiếu chất vấn và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

Trong thời gian diễn ra kỳ họp Hội đồng nhân dân xã, đại biểu Hội đồng nhân dân xã ghi vấn đề chất vấn, người bị chất vấn vào phiếu chất vấn và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân xã (qua thư ký kỳ họp) chậm nhất là 01 ngày trước phiên họp chất vấn.

2. Mỗi lần chất vấn, đại biểu Hội đồng nhân dân xã nêu chất vấn không quá 05 phút; người bị chất vấn trả lời chất vấn của một đại biểu không quá 10 phút; thời gian thảo luận từ 05 – 07 phút. Trường hợp cần thiết, Chủ tọa quyết định việc kéo dài thời gian trả lời chất vấn.

Chủ tọa có quyền nhắc trong trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân xã nêu chất vấn không đúng nội dung phiên chất vấn hoặc quá thời gian quy định, người bị chất vấn trả lời không đúng trọng tâm chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân xã hoặc quá thời gian quy định.

3. Trình tự chất vấn tại kỳ họp thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 60 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015.

4. Căn cứ vào kết quả trả lời chất vấn, Hội đồng nhân dân xã có thể ban hành nghị quyết về chất vấn; nội dung nghị quyết theo quy định tại khoản 5 Điều 15 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015.

Điều 35. Biểu quyết tại Kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

1. Hội đồng nhân dân xã quyết định áp dụng một trong các hình thức biểu quyết sau đây:

- a) Biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết;
- b) Biểu quyết bằng hệ thống biểu quyết điện tử;
- c) Biểu quyết bằng bỏ phiếu kín.

2. Trình tự biểu quyết tại phiên họp tiến hành như sau:

a) Chủ tọa phiên họp nêu rõ nội dung vấn đề Hội đồng nhân dân xã cần biểu quyết;

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân xã biểu quyết;

c) Chủ tọa phiên họp báo cáo kết quả biểu quyết trong trường hợp biểu quyết bằng thẻ biểu quyết và biểu quyết điện tử. Trưởng Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu trong trường hợp biểu quyết bằng bỏ phiếu kín khi thực hiện bầu các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân xã.

3. Việc tiến hành biểu quyết được thực hiện theo nguyên tắc trực tiếp, đại biểu Hội đồng nhân dân không biểu quyết thay đại biểu Hội đồng nhân dân khác. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã có quyền biểu quyết nhất trí, không nhất trí hoặc từ bỏ quyền biểu quyết. Trong trường hợp phải tổ chức kỳ họp theo hình thức trực tuyến thì việc biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân xã có giá trị pháp lý như hình thức biểu quyết tại kỳ họp trực tiếp.

4. Trường hợp cần biểu quyết lại một vấn đề đã được Hội đồng nhân dân xã biểu quyết thông qua nhưng chưa có hiệu lực thi hành thì Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định việc biểu quyết lại bằng hình thức giơ thẻ. Việc biểu quyết lại được tiến hành khi có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhất trí.

Điều 36. Lấy ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân xã bằng hình thức phiếu xin ý kiến, phiếu biểu quyết

1. Khi cần thiết, Hội đồng nhân dân xã tổ chức lấy ý kiến các đại biểu Hội đồng nhân dân xã về các nội dung của kỳ họp Hội đồng nhân dân xã bằng hình thức phiếu xin ý kiến, phiếu biểu quyết.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm thể hiện ý kiến vào phiếu xin ý kiến, phiếu biểu quyết và gửi đến Thư ký kỳ họp đúng thời hạn.

3. Thư ký kỳ họp tổng hợp kết quả phiếu xin ý kiến, phiếu biểu quyết và báo cáo Chủ tọa kỳ họp để báo cáo Hội đồng nhân dân xã quyết định nội dung của kỳ họp.

Điều 37. Biên bản kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

1. Kỳ họp Hội đồng nhân dân xã và các phiên họp tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã phải ghi biên bản.

2. Biên bản kỳ họp Hội đồng nhân dân xã gồm biên bản phiên họp trù bị, biên bản các phiên họp tại kỳ họp. Biên bản kỳ họp do Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã (hoặc chủ tọa kỳ họp) và Chánh Văn phòng ký tên xác thực.

3. Biên bản phản ánh đầy đủ các ý kiến phát biểu, kết quả biểu quyết của Hội đồng nhân dân xã tại phiên họp, ý kiến bằng văn bản của đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

Điều 38. Tài liệu phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

Tài liệu kỳ họp được thực hiện theo một số quy định sau:

1. Tài liệu tại kỳ họp được gửi cho đại biểu Hội đồng nhân dân xã qua hệ thống thư điện tử hoặc bản giấy.

2. Tài liệu phục vụ kỳ họp do Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban MTTQVN xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã chuẩn bị theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân xã phải được gửi đến Văn phòng chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, trừ trường hợp đặc biệt, được phép gửi tài liệu chậm nhất là 05 ngày.

3. Chậm nhất là 03 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ, 01 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp chuyên đề, các tài liệu của kỳ họp được Văn phòng gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân xã vào địa chỉ hòm thư điện tử của đại biểu Hội đồng nhân dân xã (*trừ tài liệu mật do Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã quyết định*).

4. Căn cứ quy định của pháp luật hoặc theo chỉ đạo của Chủ tọa kỳ họp, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan, Văn phòng ban hành danh mục tài liệu cần thu hồi tại kỳ họp.

Điều 39. Thông tin tuyên truyền về kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

Chánh Văn phòng có trách nhiệm cung cấp thông tin về chương trình, nội dung của kỳ họp Hội đồng nhân dân xã, hoạt động của Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp; giữ mối liên hệ với các cơ quan báo chí tại khu vực diễn ra kỳ họp Hội đồng nhân dân xã.

Điều 40. Những hoạt động sau khi kết thúc kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã chỉ đạo xây dựng và hoàn chỉnh các văn bản sau:

a) Ban của Hội đồng nhân dân xã đã thẩm tra dự thảo nghị quyết có trách nhiệm hoàn chỉnh nghị quyết sau khi đã được Hội đồng nhân dân xã thông qua, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm kiểm tra văn bản trước khi trình Chủ tịch Hội đồng nhân dân ký chứng thực;

b) Văn phòng xây dựng đề cương báo cáo kết quả kỳ họp gửi đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chậm nhất 02 ngày làm việc sau ngày bế mạc kỳ họp để đại biểu làm tư liệu báo cáo với cử tri.

2. Chậm nhất là 10 ngày, kể từ ngày bế mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm gửi nghị quyết, báo cáo, đề án, biên bản của kỳ họp lên Thường trực HĐND, UBND tỉnh.

3. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã được gửi đến các cơ quan liên quan để thực hiện. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã được đăng công báo, đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết và lưu trữ theo quy định.

4. Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân xã tổ chức tiếp xúc cử tri để báo cáo kết quả kỳ họp; tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nghị quyết

của Hội đồng nhân dân xã; tích cực giám sát việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã; đôn đốc việc thực hiện các ý kiến, kiến nghị của cử tri và đôn đốc thực hiện các nội dung sau giám sát, sau chất vấn.

CHƯƠNG VII

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 41. Mối quan hệ với các cơ quan Tỉnh

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã giữ mối quan hệ công tác với Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh, các Ban HĐND và các cơ quan của tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã phối hợp và tạo điều kiện cho Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh, các Ban HĐND và các cơ quan của tỉnh khi về làm việc ở xã.

Điều 42. Mối quan hệ công tác với Đảng ủy xã

1. Hội đồng nhân dân xã chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy xã đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân xã; báo cáo Đảng ủy về kết quả bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức vụ thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân xã; báo cáo kết quả lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân xã bầu và báo cáo về những hoạt động quan trọng của Hội đồng nhân dân xã.

2. Thông qua hoạt động của mình, Hội đồng nhân dân xã kiến nghị với Đảng ủy về những nội dung quan trọng cần lãnh đạo, chỉ đạo để bảo đảm thực hiện tốt nghị quyết của Đảng ủy về phát triển kinh tế - xã hội và các nội dung liên quan đến công tác cán bộ.

Điều 43. Mối quan hệ công tác với Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban MTTQVN xã và các tổ chức chính trị - xã hội xã

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã giữ mối quan hệ công tác với UBND xã, Ủy ban MTTQVN xã trong chuẩn bị và tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân xã, phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã, tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, giám sát, khảo sát, phối hợp giải quyết công việc giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân xã theo Quy chế phối hợp giữa Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban MTTQVN xã.

2. Đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân xã cần giải quyết giữa hai kỳ họp của Hội đồng nhân dân xã thì Thường trực Hội đồng nhân dân xã phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, cơ quan có liên quan xem xét, quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp gần nhất.

3. Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm lắng nghe, giải quyết và trả lời theo thẩm quyền các kiến nghị của Ủy ban MTTQVN xã và các tổ chức chính trị - xã hội ở xã về xây dựng chính quyền và phát triển kinh tế - xã hội của xã.

4. Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban MTTQVN xã và các tổ chức chính trị - xã hội của xã mời Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban của Hội đồng nhân dân xã tham dự một số hoạt động của Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban MTTQVN và các tổ chức

chính trị - xã hội để trao đổi thông tin và tăng cường mối quan hệ phối hợp và hiệu quả công tác.

5. Thường trực Hội đồng nhân dân xã phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN xã, các tổ chức thành viên của Mặt trận theo dõi, đánh giá, xếp loại hoạt động của đại biểu, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và giúp đại biểu Hội đồng nhân dân xã thực hiện nhiệm vụ.

Điều 45. Quan hệ công tác giữa Hội đồng nhân dân xã với các cơ quan nhà nước trên địa bàn xã

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã và các cơ quan của tỉnh đóng chân trên địa bàn cử người tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân xã, tham gia hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Ban của Hội đồng nhân dân xã khi được mời; mời Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Ban của Hội đồng nhân dân xã phụ trách lĩnh vực dự hội nghị tổng kết và một số hoạt động trọng tâm của ngành để trao đổi thông tin và tăng cường mối quan hệ phối hợp và hiệu quả công tác.

Điều 45. Quan hệ công tác giữa Hội đồng nhân dân xã với các thôn, làng, TDP.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Ban của Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã phối hợp với các thôn, làng, TDP trong tổ chức thực hiện các hoạt động giám sát, khảo sát, TXCT... trên địa bàn.

CHƯƠNG VIII
XẾP LOẠI HOẠT ĐỘNG ĐẠI BIỂU VÀ TỔ ĐẠI BIỂU
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 46. Tiêu chuẩn xếp loại đại biểu, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã

1. Tiêu chuẩn xếp loại đối với Đại biểu Hội đồng nhân dân xã:

a) Thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn của người đại biểu HĐND được quy định tại Điều 5 Quy chế này;

b) Gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, góp phần phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tích cực tham gia vào việc quản lý nhà nước;

c) Tham dự đầy đủ các kỳ họp, các phiên họp Hội đồng nhân dân xã; tích cực tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã;

d) Liên hệ chặt chẽ, chịu sự giám sát của cử tri. Thu thập, phân loại và phản ánh đầy đủ, chính xác các ý kiến, kiến nghị của cử tri với Hội đồng nhân dân xã và các cơ quan hữu quan. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị của cử tri và khiếu nại, tố cáo của nhân dân, thông báo kết quả giải quyết cho cử tri;

đ) Thường xuyên rèn luyện, nâng cao trình độ và kỹ năng hoạt động của người đại biểu Hội đồng nhân dân xã; hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác và tham gia đầy đủ các hoạt động của Hội đồng nhân dân xã.

2. Tiêu chuẩn xếp loại đối với Tổ đại biểu:

a) Thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn được quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

b) Tổ chức các cuộc tiếp xúc cử tri cho đại biểu trong Tổ theo đúng quy định của luật; tổ chức các cuộc họp Tổ để các đại biểu Hội đồng nhân dân nghiên cứu, chuẩn bị ý kiến đóng góp tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã; nghiên cứu văn bản pháp luật phục vụ cho hoạt động của đại biểu;

c) Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân có kế hoạch phối hợp và phân công đại biểu thực hiện tốt nhiệm vụ được giao;

d) Tổ chức tốt các hoạt động của Tổ theo hướng dẫn của Thường trực Hội đồng nhân dân xã, trong năm thực hiện được từ 1 cuộc giám sát trở lên.

Điều 47. Mức xếp loại đại biểu, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã

1. Đối với Đại biểu Hội đồng nhân dân xã:

a) Đạt được 5 tiêu chuẩn nêu tại Khoản 1, Điều 46 của Quy chế này xếp loại tốt;

b) Đạt được 4 tiêu chuẩn nêu tại Khoản 1, Điều 46 của Quy chế này xếp loại khá;

c) Đạt được 3 tiêu chuẩn nêu tại Khoản 1, Điều 46 của Quy chế này xếp loại trung bình;

d) Đạt được 2 tiêu chuẩn nêu tại Khoản 1, Điều 46 của Quy chế này trở xuống xếp loại yếu.

2. Đối với Tổ đại biểu:

a) Đạt 4 tiêu chuẩn nêu tại Khoản 2, Điều 46 của Quy chế này và có từ 80% số đại biểu trở lên trong Tổ được xếp loại hoạt động tốt thì tổ được xếp loại hoạt động tốt;

b) Đạt 3/4 tiêu chuẩn nêu tại Khoản 2, Điều 46 của Quy chế này và có từ 70% đến dưới 80% số đại biểu trong Tổ được xếp loại hoạt động khá thì tổ được xếp loại hoạt động khá;

c) Đạt 2/4 tiêu chuẩn nêu tại Khoản 2, Điều 46 của Quy chế này và có tỷ lệ đại biểu từ 50% đến dưới 70% số đại biểu trong Tổ được xếp loại hoạt động trung bình thì tổ xếp loại hoạt động trung bình;

d) Không đạt được các tiêu chuẩn nêu tại Khoản 2, Điều 46 của Quy chế này xếp loại yếu.

Căn cứ vào các tiêu chuẩn trên hàng năm các Tổ tiến hành kiểm điểm xếp loại đại biểu và Tổ đại biểu; báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã để làm căn cứ xét thi đua khen thưởng.

Chương IX

CÔNG TÁC BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 48. Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân xã

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân xã và bộ máy giúp việc của Hội đồng nhân dân xã do Hội đồng nhân dân xã quyết định trong kế hoạch ngân sách hàng năm của xã. Việc sử dụng kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân xã được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Nội dung chi, định mức chi phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân xã được thực hiện theo các quy định của Nhà nước và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã về định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân xã.

Điều 49. Công tác thi đua, khen thưởng

1. Khen thưởng thường xuyên: Đại biểu Hội đồng nhân dân xã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được xét khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng hiện hành.

2. Khen chuyên đề: Thường trực Hội đồng nhân dân xã sẽ hướng dẫn việc căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các tập thể và đại biểu Hội đồng nhân dân xã để tiến hành bình xét thi đua, đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng cho các tập thể và đại biểu Hội đồng nhân dân xã vào dịp sơ kết giữa nhiệm kỳ và tổng kết nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân xã.

Điều 50. Công tác tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân xã

Văn phòng HĐND - UBND xã là cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã; chịu trách nhiệm tổ chức công tác tham mưu, giúp việc và bảo đảm điều kiện phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã theo quy định của pháp luật.

Điều 51. Các điều kiện bảo đảm khác

1. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Đại biểu Hội đồng nhân dân xã được cung cấp các tài liệu của kỳ họp Hội đồng nhân dân xã; các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã và các tài liệu cần thiết khác.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã được cấp thẻ biểu quyết, Giấy chứng nhận đại biểu Hội đồng nhân dân xã theo quy định của pháp luật. Khi làm nhiệm vụ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân xã xuất trình Giấy chứng nhận đại biểu

Hội đồng nhân dân xã khi có yêu cầu. Tổ chức, cá nhân cản trở hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân xã trong khi thi hành nhiệm vụ sẽ bị xử lý theo pháp luật.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã được đi trao đổi, học tập kinh nghiệm hoạt động Hội đồng nhân dân ở các xã trong nước và nước ngoài theo Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 52. Thi hành và sửa đổi, bổ sung quy chế.

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã, đại biểu Hội đồng nhân dân xã, Văn phòng, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương hoặc để phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật mới do cơ quan có thẩm quyền ban hành, Thường trực Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ IA GRAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08 /TTr-TTHĐND

Ia Grai, ngày 06 tháng 8 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về ban hành Quy chế làm việc của Thường trực Hội đồng nhân dân
xã Ia Grai khoá I, nhiệm kỳ 2021 – 2026**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã Ia Grai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15 ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân;

Thường trực Hội đồng nhân dân xã Ia Grai kính trình Hội đồng nhân dân xã Ia Grai ban hành Nghị quyết về Quy chế làm việc của Thường trực Hội đồng nhân dân xã Ia Grai khóa I, nhiệm kỳ 2021 – 2026.

(Kèm theo dự thảo nghị quyết ban hành Quy chế làm việc của Thường trực Hội đồng nhân dân xã Ia Grai khóa I, nhiệm kỳ 2021 – 2026)

Thường trực Hội đồng nhân dân xã kính trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BTV Đảng ủy xã Ia Grai;
- Thường trực HĐND xã Ia Grai;
- UBND xã Ia Grai;
- UBMTTQ Việt Nam xã Ia Grai;
- Các Ban HĐND xã Ia Grai;
- Đại biểu HĐND xã Ia Grai;
- Lưu: VT

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Công Vinh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ IA GRAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Ia Grai, ngày tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy chế làm việc của Thường trực Hội đồng nhân dân xã Ia Grai

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ IA GRAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015;*

Căn cứ Hướng dẫn số 1309/HD-UBTVQH15 ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Hướng dẫn một số nội dung về tổ chức và hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XV, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã nhiệm kỳ 2021 – 2026 sau sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 516/NQ-TT-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Thường trực HĐND tỉnh Gia Lai về việc chỉ định Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND xã, Trưởng các Ban của HĐND xã Ia Grai khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Xét tờ trình số:08/TTr-TTHĐND ngày 06 tháng 08 năm 2025 của Thường trực HĐND xã về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy chế làm việc của Thường trực Hội đồng nhân dân xã Ia Grai khóa I, nhiệm kỳ 2021 – 2026; Báo cáo thẩm tra số /BC- BVHXXH ngày ... tháng ... năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Nghị quyết kèm theo Quy chế làm việc của Thường trực HĐND xã Ia Grai khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 2. Thường trực HĐND xã, các Ban HĐND xã, Văn phòng HĐND và UBND, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Ia Grai Khóa I, Kỳ họp thứ Hai (Chuyên đề) thông qua và có hiệu lực từ ngày ... tháng 08 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Gia Lai;
- BTV Đảng ủy xã Ia Grai;
- UBND xã Ia Grai;
- UBMTTQ Việt Nam xã Ia Grai;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các phòng, ban, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT. HĐND

**TM. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Ngọc Quý

QUY CHẾ

Làm việc của Thường trực HĐND xã Ia Grai khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026
(kèm theo Nghị quyết số .../NQ-HĐND Ngày .../8/2025 của HĐND xã Ia Grai)

Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, chế độ làm việc, quy trình thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn và mối quan hệ công tác của Thường trực HĐND xã.

Những nội dung khác không quy định tại Quy chế này thực hiện theo các quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015, Quy chế hoạt động của HĐND xã Ia Grai khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Chủ tịch HĐND xã, các Phó Chủ tịch HĐND xã, các Ủy viên Thường trực HĐND xã, Lãnh đạo chuyên trách các Ban của HĐND xã, Văn phòng HĐND và UBND xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan khi liên hệ công tác với Thường trực HĐND xã chịu sự điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc làm việc

1. Thường trực HĐND xã làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số. Đồng thời, phát huy trách nhiệm của từng thành viên Thường trực HĐND xã đối với công việc theo lĩnh vực được phân công phụ trách. Mọi hoạt động của Thường trực HĐND xã chịu sự lãnh đạo của Đảng ủy xã, Ban Thường vụ Đảng ủy xã, Thường trực Đảng ủy xã.

2. Thường trực HĐND xã giải quyết công việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Quy chế làm việc này. Đối với các nội dung cần biểu quyết của Thường trực HĐND xã thì biểu quyết công khai (bằng hình thức giơ tay) hoặc bỏ phiếu kín tại phiên họp phải được trên 50% tổng số thành viên Thường trực HĐND xã dự họp đồng ý. Trường hợp số phiếu biểu quyết bằng nhau thì quyết định theo ý kiến của Chủ tịch HĐND xã.

3. Phó Chủ tịch HĐND xã giúp Chủ tịch HĐND xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công của Chủ tịch HĐND xã. Khi Chủ tịch HĐND xã vắng mặt thì phân công Phó Chủ tịch Thường trực HĐND xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐND xã.

4. Trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn được Chủ tịch HĐND xã giao, Phó Chủ tịch HĐND xã chủ động xử lý công việc và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Trường hợp có vấn đề cần có ý kiến của Chủ tịch thì Phó Chủ tịch HĐND xã báo cáo Chủ tịch HĐND xã xem xét, quyết định.

5. Trong hoạt động của mình, các Ủy viên Thường trực HĐND xã thường xuyên cập nhật, sử dụng thông tin xử lý trên hệ thống quản lý văn bản và điều

hành của xã để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; chủ động phối hợp giải quyết công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND xã.

6. Ủy viên Thường trực HĐND xã trước khi nghỉ hưu, chuyển công tác, đi công tác, học tập dài hạn phải bàn giao công việc theo quy định; bảo đảm hiệu quả công tác phối hợp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Điều 3. Hình thức làm việc của Thường trực HĐND xã bao gồm:

1. Phiên họp Thường trực HĐND xã.
2. Cho ý kiến bằng văn bản.

Điều 4. Biểu quyết tại phiên họp, giao ban Thường trực HĐND xã

1. Thường trực HĐND xã quyết định áp dụng một trong các hình thức biểu quyết sau để biểu quyết những vấn đề cần biểu quyết:

- a) Biểu quyết bằng bỏ phiếu kín.
- b) Biểu quyết bằng giơ tay.

2. Việc biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín được thực hiện theo trình tự sau:

a) Chủ trì phiên họp nêu rõ nội dung biểu quyết, dự kiến số lượng, nhân sự Ban kiểm phiếu;

b) Thường trực HĐND xã quyết định số lượng và nhân sự Ban kiểm phiếu bằng hình thức giơ tay;

c) Ban kiểm phiếu công bố thể lệ bỏ phiếu và phát phiếu;

d) Thành viên Thường trực HĐND xã có mặt tại phiên họp tiến hành bỏ phiếu;

đ) Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và báo cáo Thường trực HĐND xã về kết quả kiểm phiếu;

e) Chủ trì phiên họp thông báo kết quả biểu quyết theo quy định khoản 2 Điều 2 của Quy chế này.

3. Việc biểu quyết bằng hình thức giơ tay thực hiện theo trình tự sau:

a) Chủ trì phiên họp, giao ban nêu rõ nội dung biểu quyết;

b) Thành viên Thường trực HĐND xã có mặt tại phiên họp, giao ban biểu quyết; có quyền biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không biểu quyết;

c) Chủ trì phiên họp, giao ban thông báo kết quả biểu quyết theo quy định khoản 2 Điều 2 của Quy chế này.

4. Trường hợp cần biểu quyết lại một số vấn đề đã được Thường trực HĐND xã biểu quyết thông qua thì Thường trực HĐND xã thảo luận tập thể và chủ trì phiên họp, giao ban quyết định việc biểu quyết lại.

Điều 5. Biểu quyết bằng hình thức gửi phiếu ghi ý kiến

1. Đối với một số vấn đề do yêu cầu cấp bách hoặc đột xuất, Chủ tịch HĐND xã quyết định việc biểu quyết của thành viên Thường trực HĐND xã bằng hình thức gửi phiếu ghi ý kiến. Việc biểu quyết bằng hình thức gửi phiếu ghi ý kiến thực hiện theo khoản 2 Điều 2 của Quy chế này.

2. Thường trực HĐND xã giao Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã chuẩn bị dự thảo văn bản gửi xin ý kiến thành viên Thường trực HĐND xã và tổng hợp kết quả biểu quyết trình Chủ tịch HĐND xã (hoặc Phó Chủ tịch được Chủ tịch HĐND xã phân công) ký ban hành theo quy định. Trong 03 ngày làm việc tính từ ngày nhận văn bản, các thành viên Thường trực HĐND xã phải có ý kiến biểu quyết gửi Văn phòng đề tổng hợp. Kết quả xin ý kiến bằng văn bản có giá trị như ý kiến tại phiên họp của Thường trực HĐND xã.

Chương II

TRÁCH NHIỆM VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC TẠI PHIÊN HỌP CỦA THƯỜNG TRỰC HĐND XÃ

Điều 6. Phiên họp hằng tháng của Thường trực HĐND xã

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tổ chức họp mỗi tháng một lần (vào ngày 25 hàng tháng, nếu trùng vào ngày nghỉ lễ hoặc thứ bảy, chủ nhật thì chuyển sang ngày làm việc kế tiếp) để thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật; khi xét thấy cần thiết, có thể họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã quy định tại Điều 10, Quy chế làm việc của HĐND xã Ia Grai khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày ... tháng 8 năm 2025 của HĐND xã).

2. Nội dung phiên họp: Thường trực HĐND xã thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

3. Công tác chuẩn bị: Thường trực HĐND xã quyết định thành phần mời dự theo quy định, phân công các Ban HĐND xã thẩm tra; giao Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã tham mưu nội dung phục vụ phiên họp Thường trực HĐND xã, các nội dung đáp ứng đủ điều kiện mới đưa vào phiên họp và phải đảm bảo xong trước ngày tổ chức phiên họp là 02 ngày làm việc.

4. Trình tự và phương thức tiến hành phiên họp Thường trực HĐND xã

a) Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã có trách nhiệm báo cáo thành phần và số người tham dự, số người không tham dự phiên họp; trình bày Chương trình nội dung làm việc của phiên họp và giới thiệu chủ tọa phiên họp.

b) Chủ tọa điều hành phiên họp.

c) Thường trực HĐND xã thảo luận từng vấn đề theo thứ tự:

- Trưởng các Ban HĐND xã, Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã hoặc thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì các nội dung công việc sẽ trình bày tóm tắt nội dung công việc, nêu rõ những vấn đề cần xin ý kiến thuộc thẩm quyền của Thường trực HĐND xã.

- Thành viên Thường trực HĐND xã và thành phần tham dự phiên họp phát biểu ý kiến.

- Trưởng các Ban HĐND xã, Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã hoặc Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì các nội dung công việc trình tại phiên họp. Thường trực HĐND xã tiếp thu các ý kiến đóng góp và giải trình những vấn đề liên quan còn có ý kiến khác nhau.

- Chủ tọa phiên họp xin ý kiến biểu quyết từng nội dung trình tại phiên họp, kết quả biểu quyết thực hiện theo khoản 2 Điều 2 của Quy chế này.

- Đối với những nội dung công việc sau khi đã giải trình nhưng vẫn chưa thống nhất, chủ tọa đề nghị Thường trực HĐND xã tạm thời chưa thông qua và giao trách nhiệm cho Trưởng các Ban, Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã hoặc Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì tiếp tục làm rõ, đủ điều kiện sẽ trình vào phiên họp gần nhất.

d) Chủ tọa kết luận phiên họp. Chậm nhất 02 ngày tính từ ngày kết thúc phiên họp, Thường trực HĐND xã ban hành văn bản kết luận các nội dung đã thông qua tại phiên họp. Đối với các văn bản do Thường trực HĐND xã ban hành làm cơ sở cho các cơ quan có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện thì ban hành Nghị quyết, các nội dung mang tính chất công việc nội bộ thì ban hành thông báo kết luận cuộc họp.

Chương III

CÁC CÔNG TÁC KHÁC CỦA THƯỜNG TRỰC HĐND, CÁC BAN HĐND XÃ

Điều 7. Xây dựng chương trình giám sát hằng năm của HĐND, Thường trực HĐND xã và kế hoạch thực hiện chương trình giám sát của HĐND, Thường trực HĐND, Ban của HĐND xã

1. Hồ sơ trình HĐND, Thường trực HĐND xã xem xét, quyết định chương trình giám sát hằng năm của HĐND, Thường trực HĐND thực hiện theo quy định tại Điều 4 của Nghị quyết số 594/UBTVQH15, gồm:

a) Tờ trình Thường trực HĐND xã, Văn phòng HĐND và UBND xã về dự kiến chương trình giám sát của HĐND, Thường trực HĐND xã. Tờ trình bao gồm những nội dung chính sau đây:

- Tổng hợp ý kiến, đề nghị giám sát của các cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 58 và khoản 1 Điều 67 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND;

- Dự kiến nội dung chương trình giám sát;
- Sự cần thiết, đối tượng, phạm vi giám sát;
- Dự kiến cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp chuẩn bị nội dung giám sát;
- Biện pháp tổ chức thực hiện;
- Các vấn đề liên quan khác (nếu có).

b) Báo cáo tổng hợp các nội dung giám sát chuyên đề của HĐND xã, Thường trực HĐND xã đã thực hiện trong 02 năm trước thời điểm đề xuất.

c) Dự thảo Nghị quyết về chương trình giám sát của HĐND xã, dự kiến chương trình giám sát của Thường trực HĐND xã.

2. Xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giám sát của HĐND, Thường trực HĐND, Ban của HĐND xã thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15 ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng

dẫn hoạt động giám sát của HĐND, Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND:

a) Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày Nghị quyết về chương trình giám sát của HĐND xã được thông qua, Thường trực HĐND xã ban hành kế hoạch thực hiện chương trình giám sát của HĐND, trừ hoạt động giám sát chuyên đề của HĐND quy định tại Điều 62 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

b) Kế hoạch thực hiện chương trình giám sát của Thường trực HĐND, Ban của HĐND xã được tích hợp trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của Thường trực HĐND, Ban của HĐND xã.

c) Kế hoạch thực hiện chương trình giám sát cần nêu rõ mục đích, yêu cầu; phân công các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện; tiến độ, công tác tổ chức, phối hợp thực hiện; trách nhiệm lồng ghép nội dung giám sát về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tội phạm. Trường hợp nội dung giám sát liên quan đến lĩnh vực phụ trách của nhiều cơ quan khác nhau thì kế hoạch nêu rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

3. Việc lựa chọn nội dung chuyên đề giám sát của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND xã phải đảm bảo các tiêu chí quy định tại Điều 15 của Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15:

- Là vấn đề bức xúc ở địa phương hoặc vấn đề ảnh hưởng lớn đến đời sống nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh được đại biểu HĐND xã, cử tri và Nhân dân quan tâm; gắn với việc xây dựng, thi hành chính sách, pháp luật, công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tại địa phương;

- Không thuộc phạm vi điều chỉnh của các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, văn bản quy phạm pháp luật khác của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND cùng cấp mới có hiệu lực thi hành trong thời gian 12 tháng tính đến thời điểm đề xuất, trừ các vấn đề liên quan đến cơ chế, chính sách, pháp luật cụ thể để giải quyết vấn đề cấp bách về thiên tai, dịch bệnh, các vấn đề cấp thiết khác;

- Không trùng nội dung với các chuyên đề giám sát đã được HĐND cùng cấp tiến hành giám sát trong khoảng thời gian ít nhất là 02 năm tính đến thời điểm đề xuất, trừ trường hợp giám sát lại nội dung đã được giám sát do đối tượng chịu sự giám sát không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các kiến nghị giám sát;

- Không trùng lặp về đối tượng giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên vào cùng thời điểm giám sát giữa HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND cùng cấp, trừ trường hợp giám sát theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền cấp trên;

- Bảo đảm tính toàn diện, sự cân đối và phù hợp giữa các lĩnh vực;

- Các tiêu chí khác do HĐND, Thường trực HĐND, Ban của HĐND xã quyết định phù hợp với yêu cầu giám sát và thực tiễn của địa phương.

- Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, Thường trực HĐND xã dự kiến số lượng chuyên đề, nội dung, cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và thành phần Đoàn giám sát của HĐND, Thường trực HĐND xã.

4. Văn phòng HĐND và UBND xã có trách nhiệm tham mưu xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giám sát tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 8. Báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát hằng năm của HĐND, Thường trực HĐND xã

Báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát hằng năm của HĐND, Thường trực HĐND xã thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15:

1. Chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm của HĐND, Ban của HĐND xã được giao chủ trì thực hiện nội dung trong chương trình giám sát của HĐND, Thường trực HĐND xã gửi báo cáo về kết quả thực hiện chương trình giám sát của năm trước đến Thường trực HĐND xã để tổng hợp, báo cáo HĐND xã.

2. Văn phòng HĐND và UBND xã xây dựng dự thảo báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát hằng năm của HĐND, Thường trực HĐND xã. Báo cáo gồm các nội dung: đánh giá kết quả đạt được; mức độ hoàn thành chương trình giám sát; tồn tại, hạn chế, nguyên nhân; trách nhiệm của các cơ quan liên quan; đề xuất, kiến nghị và các phụ lục kèm theo (nếu có).

Điều 9. Xây dựng chương trình và báo cáo công tác của Thường trực HĐND, các Ban HĐND xã

1. Xây dựng chương trình công tác của Thường trực HĐND, các Ban HĐND xã (hàng tháng, 6 tháng, cả năm).

a) Căn cứ nghị quyết về tổ chức các kỳ họp thường lệ trong năm, Nghị quyết giám sát của HĐND, Thường trực HĐND xã, Văn phòng HĐND và UBND xã tham mưu cho Thường trực HĐND, các Ban HĐND xã xây dựng chương trình công tác hàng tháng, 6 tháng, cả năm của Thường trực và các Ban HĐND xã.

b) Chương trình công tác năm của Thường trực HĐND xã bao gồm: Thực hiện chương trình giám sát của Thường trực HĐND xã và kế hoạch tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khác do luật định hoặc do HĐND xã giao phải được ký và ban hành xong trước ngày 05 tháng 01 năm sau.

c) Chương trình công tác năm của các Ban HĐND xã bao gồm: Kế hoạch thẩm tra các báo cáo, đề án và dự thảo nghị quyết; kế hoạch giám sát, khảo sát và một số nhiệm vụ khác do Thường trực HĐND xã phân công, phải được ký và ban hành xong trước ngày 15 tháng 01 năm sau.

2. Xây dựng báo cáo công tác của Thường trực HĐND xã trình tại các kỳ họp thường lệ của HĐND xã

a) Các Ban HĐND xã báo cáo kết quả hoạt động 6 tháng, cả năm theo lĩnh vực phụ trách, hoàn thành trước 20 ngày so với ngày khai mạc kỳ họp HĐND xã để gửi Thường trực HĐND xã và HĐND xã.

b) Văn phòng HĐND và UBND xã tổng hợp kết quả hoạt động của Thường trực HĐND xã, các Ban HĐND xã để xây dựng dự thảo báo cáo kết quả hoạt động của Thường trực HĐND xã trình kỳ họp HĐND xã.

c) Thường trực HĐND xã thông qua báo cáo kết quả hoạt động hoàn thành trước 07 ngày so với ngày khai mạc kỳ họp thường lệ HĐND xã.

Điều 10. Hoạt động chất vấn tại kỳ họp HĐND xã và tại phiên họp Thường trực HĐND xã trong thời gian giữa hai kỳ họp HĐND

Hoạt động chất vấn tại kỳ họp HĐND xã thực hiện theo Điều 60 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND, Điều 8, 9, 10 của Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15.

Điều 11. Giải trình tại phiên họp Thường trực HĐND xã

Thực hiện theo quy định tại Điều 72 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND, Điều 13 Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15.

Điều 12. Trách nhiệm của các Ban HĐND xã trong việc thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án hoặc Tờ trình cho ý kiến đối với các đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND xã và các nội dung khác do UBND xã, các Ban HĐND xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã trình

1. Ngay sau khi nhận được dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án hoặc Tờ trình cho ý kiến đối với các nội dung do UBND xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan trình Thường trực HĐND xã hoặc trình HĐND xã, theo sự phân công của Thường trực HĐND xã, các Ban HĐND xã tổ chức thẩm tra hoặc cho ý kiến theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Căn cứ theo quy định của pháp luật, Ban của HĐND xã được phân công tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm yêu cầu các cơ quan, đơn vị trình bổ sung hồ sơ, tài liệu có liên quan theo quy định.

3. Trường hợp nội dung thẩm tra hoặc cho ý kiến liên quan đến nhiều lĩnh vực do nhiều Ban của HĐND xã phụ trách, Thường trực HĐND xã phân công, điều hòa và giao cho một Ban HĐND xã chủ trì thẩm tra hoặc cho ý kiến. Ban HĐND xã chủ trì thẩm tra chủ động, phối hợp xin ý kiến thẩm tra hoặc cho ý kiến và chịu trách nhiệm chính để tổng hợp báo cáo kỳ họp; các ý kiến khác nhau thì Ban HĐND xã chủ trì tổng hợp, báo cáo Thường trực HĐND xã xem xét, quyết định trước khi trình HĐND xã.

4. Báo cáo thẩm tra hoặc cho ý kiến của các Ban HĐND xã trình cho Ban Thường vụ Đảng ủy xã, HĐND, Thường trực HĐND xã xem xét, cho ý kiến tại các kỳ họp HĐND xã hoặc phiên họp Thường trực HĐND xã phải thống nhất một báo cáo và ký, đóng dấu. Trường hợp có ý kiến chỉ đạo của Thường trực HĐND xã thì Ban HĐND xã mới ký lại báo cáo thay thế báo cáo đã ký trước đó.

Điều 13. Kiểm tra văn bản trước khi ký ban hành

Các văn bản của HĐND, Thường trực HĐND xã sau khi đã trình xin ý kiến và chỉnh sửa lần cuối, Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã chịu trách nhiệm kiểm tra lại nội dung văn bản, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản và phải ký nháy/tắt vào cuối nội dung văn bản (sau dấu ./.) trước khi trình Chủ tịch và các Phó Chủ tịch HĐND xã ký ban hành theo quy định.

Điều 14. Công tác thi đua, khen thưởng

Vào cuối nhiệm kỳ HĐND xã khóa I, Thường trực HĐND xã xem xét đề nghị khen thưởng đối với tập thể các Ban HĐND xã, Tổ đại biểu HĐND xã và cá nhân là đại biểu HĐND xã; tập thể và cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng HĐND và UBND xã có nhiều đóng góp trong hoạt động của HĐND xã khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026

Điều 15. Tiếp khách, đi công tác

1. Tiếp khách

a) Thường trực HĐND xã tiếp xã giao, gặp mặt các đoàn đại biểu, khách đến thăm, làm việc tại xã theo quy định hoặc theo phân công của Chủ tịch HĐND xã.

b) Văn phòng HĐND và UBND xã có nhiệm vụ:

- Báo cáo Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch HĐND xã được Chủ tịch phân công tiếp khách của các cơ quan, đơn vị; thông báo kịp thời ý kiến của Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND xã cho các cơ quan biết, đồng thời xây dựng kế hoạch trình Thường trực HĐND xã và đưa vào chương trình công tác tuần của Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND xã. Trưởng, Phó các Ban HĐND xã cùng dự, tiếp theo yêu cầu của Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND xã.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan chuẩn bị nội dung cuộc tiếp khách, trường hợp cần thiết, theo chỉ đạo của Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND xã, đề nghị các cơ quan liên quan chuẩn bị một số nội dung cụ thể của cuộc tiếp khách.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức phục vụ, bảo đảm an toàn cho cuộc tiếp khách, tổ chức triển khai thực hiện các công việc cần thiết phục vụ sau cuộc tiếp khách.

2. Đi công tác

a) Ủy viên Thường trực HĐND xã phải dành thời gian thích hợp (mỗi tháng ít nhất 01 lần) đi công tác cơ sở để kiểm tra; nắm tình hình triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết của HĐND xã; gặp gỡ tiếp xúc, lắng nghe ý kiến nguyện vọng của cử tri; nắm tình hình thực tế ở cơ sở để kịp thời có giải pháp, đề xuất cơ chế chính sách khắc phục khó khăn.

Tùy nội dung để có hình thức đi công tác cho phù hợp, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm.

b) Ủy viên Thường trực HĐND xã làm việc với Thường trực HĐND các xã, phường khác và làm việc với các cơ quan của tỉnh theo giấy mời hoặc theo yêu cầu công việc phải báo cáo và được sự đồng ý của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch HĐND xã được Chủ tịch phân công.

c) Trong thời gian HĐND xã họp, Ủy viên Thường trực HĐND xã không bố trí đi công tác, trừ trường hợp khẩn cấp, đột xuất, đặc biệt và phải được sự đồng ý của Chủ tịch HĐND xã.

d) Trong nhiệm kỳ, Thường trực HĐND, các Ban HĐND xã, Văn phòng HĐND và UBND xã tổ chức 01 lần/năm cho thành viên Thường trực HĐND, Ban HĐND xã, đại diện lãnh đạo, công chức, người lao động của Văn phòng đi công tác ngoài xã để trao đổi kinh nghiệm và kỹ năng hoạt động; lãnh đạo Thường trực

HĐND, các Ban HĐND xã, Văn phòng đưa vào chương trình công tác năm để điều hòa, phối hợp và thống nhất, dự toán kinh phí đầu năm, theo nguyên tắc: Chuyển công tác không quá 07 ngày làm việc; kết thúc có báo cáo kết quả của chuyển đi công tác với Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐND xã.

đ) Văn phòng HĐND và UBND xã có nhiệm vụ:

- Giúp Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND xã tổng hợp, rà soát, cân đối và bố trí các điều kiện phục vụ chương trình đi công tác của Thường trực HĐND, các Ban HĐND xã và Văn phòng HĐND và UBND xã hiệu quả.

CHƯƠNG IV

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 16. Mối quan hệ Thường trực HĐND xã với Đảng uỷ xã, Ban Thường vụ Đảng uỷ xã, Thường trực Đảng uỷ xã

Chịu sự lãnh đạo của Đảng uỷ xã, Ban Thường vụ Đảng uỷ xã, Thường trực Đảng uỷ xã.

Điều 17. Mối quan hệ giữa Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND xã với Trưởng các Ban HĐND xã

1. Chủ tịch HĐND xã phân công cho Phó Chủ tịch HĐND xã chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của các Ban HĐND xã theo quy định Điều 14 Quy chế làm việc của HĐND xã Ia Grai khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày ... tháng 8 năm 2025 của HĐND xã); xem xét kết quả giám sát của các Ban HĐND xã khi xét thấy cần thiết và báo cáo HĐND xã tại kỳ họp gần nhất.

2. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch HĐND xã chỉ đạo, phân công hoặc giao nhiệm vụ cho các Ban HĐND xã thực hiện, thông qua Trưởng các Ban HĐND xã. Trong trường hợp Trưởng Ban vắng mặt thì Chủ tịch, các Phó Chủ tịch HĐND xã giao nhiệm vụ cho Phó Trưởng Ban được Trưởng Ban phân công; Phó Trưởng Ban có trách nhiệm thực hiện và báo cáo kết quả với Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND xã và báo cáo lại với Trưởng Ban.

a) Trưởng các Ban HĐND xã chủ động giải quyết công việc thuộc lĩnh vực theo quy định của pháp luật và những công việc khác được HĐND xã, Thường trực HĐND xã phân công.

b) Trong quá trình thực hiện công tác, do yêu cầu của nhiệm vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch HĐND xã phụ trách lĩnh vực, Trưởng Ban báo cáo về tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công theo tiến độ như sau:

- Báo cáo kết quả thẩm tra phục vụ kỳ họp HĐND xã trước 05 ngày khai mạc kỳ họp (Trường hợp đặc biệt 03 ngày).

- Báo cáo kết luận giám sát sau 10 ngày kể từ khi các Ban HĐND xã họp kết luận đợt giám sát.

- Báo cáo khác theo kết luận của Thường trực HĐND xã.

3. Ngoài thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, việc xin nghỉ phép, nghỉ ốm đối với Trưởng ban phải được sự đồng ý của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch HĐND xã

phụ trách lĩnh vực; Phó trưởng ban phải được sự đồng ý của Trưởng ban phụ trách lĩnh vực.

Điều 18. Mối quan hệ Thường trực HĐND xã với Văn phòng HĐND và UBND xã

1. Văn phòng HĐND và UBND xã chịu sự lãnh đạo toàn diện của Thường trực HĐND xã trong hoạt động của HĐND xã, Thường trực HĐND xã. Văn phòng có trách nhiệm tham mưu và giúp Thường trực HĐND xã thực hiện các nhiệm vụ được giao theo luật định.

2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND xã chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cho Văn phòng HĐND và UBND xã thông qua Chánh Văn phòng hoặc Phó Chánh Văn phòng phụ trách lĩnh vực khi Chánh Văn phòng vắng mặt. Chánh Văn phòng có trách nhiệm phân công, chỉ đạo công chức của Văn phòng thực hiện các nhiệm vụ phối hợp chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao.

3. Chánh Văn phòng dự các phiên họp của Thường trực HĐND xã, có trách nhiệm ghi biên bản cuộc họp, xây dựng dự thảo văn bản kết luận. Tùy theo nội dung, tính chất phiên họp, Phó Chánh Văn phòng và chuyên viên thuộc Văn phòng được tham gia để ghi biên bản, xây dựng dự thảo kết luận hoặc thông báo kết luận; xét thấy cần thiết, có thể xin ý kiến chủ trì phiên họp được ghi âm, ghi hình tại phiên họp.

4. Chánh Văn phòng thừa lệnh Chủ tịch được ký một số văn bản hành chính thông thường để đơn đốc các sở, ban, ngành chuẩn bị dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án, các văn bản trình HĐND xã, Thường trực HĐND xã; thông báo kết luận đối với những nội dung cụ thể đã được Thường trực HĐND xã kết luận và gửi các sở, ban, ngành, địa phương để thực hiện; sao văn bản, ký giấy giới thiệu cho cán bộ thuộc cơ quan HĐND xã để liên hệ giao dịch công tác.

5. Định kỳ hằng quý, Chánh Văn phòng báo cáo kinh phí hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND xã, các Ban HĐND xã và của Văn phòng; 6 tháng một lần báo cáo tình hình sử dụng tài sản, kinh phí của HĐND, Thường trực HĐND xã cho Thường trực HĐND xã. Đồng thời, định kỳ hoặc đột xuất, Chánh Văn phòng báo cáo Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND xã về tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, những khó khăn, vướng mắc phải có ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND xã hoặc của Thường trực HĐND xã theo thẩm quyền quy định.

Điều 19. Mối quan hệ giữa Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã với lãnh đạo các Ban HĐND xã

1. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã phối hợp với lãnh đạo các Ban HĐND xã tham mưu Thường trực HĐND xã điều hòa, phối hợp hoạt động của các Ban HĐND xã theo quy định tại Điều 17 của Quy chế này; chỉ đạo công chức Văn phòng phục vụ hoạt động của các Ban HĐND xã theo sự phân công của Thường trực HĐND xã; tham mưu, phục vụ hoạt động thẩm tra, giám sát, khảo sát; xây dựng, triển khai chương trình công tác, chuẩn bị nội dung các kỳ họp HĐND xã.

2. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã đảm bảo cơ sở vật chất, kinh phí; phối hợp với Ban HĐND xã lập dự toán ngân sách hằng năm phục vụ hoạt động của các Ban HĐND xã theo quy định hiện hành.

3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã phối hợp với các Ban HĐND xã được phân công thẩm tra để chỉnh lý Nghị quyết HĐND xã trình Phó Chủ tịch Thường trực HĐND xã kiểm tra lần cuối trước khi trình Chủ tịch HĐND xã ký ban hành theo quy định.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực HĐND xã, các Ban HĐND xã, Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện Quy chế này.

2. Căn cứ Quy chế làm việc của Thường trực HĐND xã khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026, các Ban HĐND xã chủ động, rà soát và ban hành Quy chế hoạt động của Ban mình để đảm bảo hoạt động toàn diện của Ban.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, Thường trực HĐND xã sẽ trao đổi, thống nhất để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp tình hình thực tế, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới đặt ra./.

Số: *09* /TTr-TTHĐND

Ia Grai, ngày 06 tháng 8 năm 2025

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết về Chương trình giám sát 6 tháng cuối năm 2025 của HĐND xã khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026

Kính gửi: HĐND xã khóa I, Kỳ họp thứ hai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân;

Trên cơ sở đề nghị của các Ban HĐND xã, đại biểu HĐND xã, Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN xã, kiến nghị của cử tri; Thường trực HĐND xã kính trình HĐND xã xem xét ban hành Nghị quyết về Chương trình giám sát 6 tháng cuối năm 2025 của HĐND xã khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026, cụ thể như sau:

I. Giám sát Tại kỳ họp cuối năm 2025

1. Xem xét các báo cáo công tác năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân.

2. Xem xét các báo cáo của Ủy ban nhân dân xã thực hiện công tác 6 tháng cuối năm 2025 về: Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng; Thực hiện ngân sách nhà nước; Công tác dân tộc; Công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị cử tri; Thực hiện chế độ, chính sách người có công, hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội.

3. Xem xét báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân xã về kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri tại các kỳ họp trước của Hội đồng nhân dân xã chưa được giải quyết hoặc giải quyết chưa dứt điểm.

4. Xem xét việc trả lời chất vấn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Ủy viên Ủy ban nhân dân xã, thủ trưởng các cơ quan khác.

5. Xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân xã có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước và nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã (nếu có).

6. Xem xét các báo cáo khác theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân.

II. Giám sát chuyên đề

1. Về số lượng chuyên đề giám sát: trong 6 tháng cuối năm 2025, Thường trực HĐND xã trình UBND xã tổ chức giám sát 01 chuyên đề.

2. Nội dung chuyên đề: *“Việc thực hiện hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công thuộc UBND xã Ia Grai”*

- **Sự cần thiết:** Nhằm đánh giá kết quả thực hiện hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công thuộc UBND xã Ia Grai sau khi thực hiện sáp nhập. Phát hiện khó khăn, vướng mắc đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan.

- **Đối tượng, phạm vi giám sát:**

+ Đối tượng: UBND xã; Trung tâm phục vụ hành chính công thuộc UBND xã Ia Grai.

+ Phạm vi giám sát: Trên địa bàn xã, từ ngày 01/7/2025 đến thời điểm giám sát.

- **Dự kiến cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp chuẩn bị nội dung giám sát:** Giao Văn phòng HĐND và UBND xã phối hợp cùng với các Ban HĐND xã tham mưu HĐND xã xây dựng Quyết định thành lập Đoàn giám sát, Kế hoạch giám sát, Đề cương báo cáo và dự thảo báo cáo kết quả giám sát.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Thường trực HĐND xã ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện Nghị quyết về Chương trình giám sát 6 tháng cuối năm 2025 của HĐND xã; chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND xã; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả giải quyết các kiến nghị sau giám sát và chuẩn bị các điều kiện đảm bảo để hoạt động giám sát được tiến hành một cách thuận lợi, đạt chất lượng, hiệu quả cao.

2. Căn cứ vào Chương trình giám sát của HĐND xã, Thường trực HĐND xã và các Ban HĐND xã chủ động xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình giám sát của Thường trực HĐND và các Ban HĐND xã; căn cứ điều kiện và tình hình thực tế, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND xã chủ động lựa chọn nội dung để xây dựng chương trình phối hợp và tiến hành hoạt động giám sát, báo cáo kết quả giám sát theo quy định của pháp luật.

3. UBND xã và các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm báo cáo và cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác những thông tin, tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung giám sát theo yêu cầu; thực hiện đầy đủ, kịp thời, nghiêm túc những kiến nghị sau giám sát; xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc không thực hiện hoặc thực hiện chưa tốt các kiến nghị và báo cáo kết quả thực hiện đến HĐND, Thường trực HĐND.

4. Các cơ quan chịu sự giám sát có trách nhiệm thực hiện đầy đủ, kịp thời, nghiêm túc những kiến nghị sau giám sát và báo cáo kết quả thực hiện đến Thường trực HĐND xã theo quy định của pháp luật.

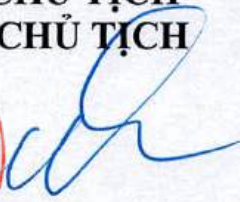
Thường trực HĐND xã kính trình HĐND xã khóa XIII, Kỳ họp thứ hai xem xét, quyết định (có dự thảo nghị quyết kèm theo)./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Đại biểu tham dự Kỳ họp;
- Lưu: VT-HĐND



TM. THƯỜNG TRỰC HĐND XÃ
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Công Vinh

Số: /NQ-HĐND

Ia Grai, ngày tháng năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về Chương trình giám sát 6 tháng cuối năm 2025
của Hội đồng nhân dân xã khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ IA GRAI
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ HAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày
20 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn hoạt động giám sát của Hội đồng nhân
dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu
Hội đồng nhân dân;*

*Xét tờ trình số:09 /TTr-TTHĐND ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Thường
trực HĐND xã về dự thảo ban hành Nghị quyết Chương trình giám sát 6 tháng cuối
năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Ia Grai khóa I, nhiệm kỳ 2021; Báo cáo thẩm
tra số /BC- BVHXXH ngày ... tháng... năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội
đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất Chương trình giám sát 6 tháng cuối năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Ia Grai, khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026 với các nội dung sau:

I. Giám sát Tại kỳ họp cuối năm 2025

1. Xem xét các báo cáo công tác năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân.

2. Xem xét các báo cáo của Ủy ban nhân dân xã thực hiện công tác 6 tháng cuối năm 2025 về: Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng; Thực hiện ngân sách nhà nước; Công tác dân tộc; Công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị cử tri; Thực hiện chế độ , chính sách người có công, hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội.

3. Xem xét báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân xã về kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri tại các kỳ họp trước của Hội đồng nhân dân xã chưa được giải quyết hoặc giải quyết chưa dứt điểm.

4. Xem xét việc trả lời chất vấn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Ủy viên Ủy ban nhân dân xã, thủ trưởng các cơ quan khác.

5. Xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân xã có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước và nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã (nếu có).

6. Xem xét các báo cáo khác theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân.

II. Giám sát chuyên đề

Nội dung chuyên đề: Căn cứ tình hình thực tế, yêu cầu nhiệm vụ và điều kiện thực tế của địa phương, trong 6 tháng cuối năm 2025 Hội đồng nhân dân xã giám sát ***“Việc thực hiện hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công thuộc UBND xã Ia Grai”***

Điều 2. Hội đồng nhân dân xã giao cho Thường trực HĐND xã, UBND xã, các Ban HĐND xã, Tổ Đại biểu HĐND xã, Đại biểu HĐND xã, các cơ quan, đơn vị, các TDP, thôn, làng thực hiện một số nhiệm vụ sau:

1. Thường trực HĐND xã chủ trì, phối hợp với các Ban HĐND xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết về Chương trình hoạt động giám sát của HĐND xã 6 tháng cuối năm 2025; chỉ đạo việc theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị sau giám sát; tổng hợp và báo cáo HĐND xã về kết quả thực hiện chương trình giám sát theo quy định.

2. Các Tổ Đại biểu HĐND xã căn cứ nội dung Nghị quyết này và tình hình thực tế của địa phương chủ động phối hợp với Đoàn giám sát của HĐND xã khi tổ chức giám sát tại cơ sở, nơi đại biểu ứng cử.

3. Ủy ban nhân dân xã và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm báo cáo và cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác những thông tin, tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung giám sát, theo yêu cầu của chủ thể giám sát.

4. Các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu sự giám sát có trách nhiệm thực hiện đầy đủ, kịp thời, nghiêm túc những kiến nghị sau giám sát và báo cáo kết quả thực hiện đến Thường trực HĐND xã theo quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Ia Grai khoá I, Kỳ họp thứ hai (Chuyên đề) thông qua ngày ... tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực Đảng ủy (b/c);
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- UBND xã;
- Các phòng, ban, ngành xã;
- Ban nhân dân các TDP, thôn, làng;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Quý

TỜ TRÌNH
Về việc điều chỉnh kế hoạch phát triển kinh tế - xã
hội 6 tháng cuối năm 2025

Kính gửi: Kỳ họp thứ Hai (Chuyên đề), HĐND xã Ia Grai khoá I

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội 6 tháng cuối năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về giao chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ công tác trọng tâm cho các xã;

Ủy ban nhân dân xã lập tờ trình, trình Kỳ họp thứ Hai (Chuyên đề), HĐND xã Ia Grai khoá I xem xét về việc xin điều chỉnh chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ trọng tâm của xã như sau:

A. Nhiệm vụ trọng tâm chung:

1. Tập trung rà soát, ổn định tổ chức bộ máy, đồng thời căn cứ vào nhu cầu thực tiễn hiện nay để rà soát, sắp xếp lại vị trí việc làm phù hợp. Việc sắp xếp cần gắn với việc ban hành quy chế hoạt động cụ thể của từng cơ quan, đơn vị, phòng ban. Sắp xếp cán bộ, công chức phù hợp với điều kiện công tác, vị trí việc làm, ổn định tư tưởng.

2. Đảm bảo cơ sở vật chất, bố trí trụ sở, trang thiết bị, các điều kiện bảo đảm phục vụ công tác, nhất là đảm bảo cơ sở vật chất tại Trung tâm Phục vụ hành chính công để phục vụ người dân, doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính; cải cách quy trình và đơn giản hóa thủ tục. Tập trung nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tổ chức theo phương châm “lấy người dân làm trung tâm phục vụ”.

3. Thành lập Ban Quản lý dự án xã để kịp thời cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trong một số lĩnh vực trọng điểm hiện địa phương đang quản lý.

4. Xây dựng Chương trình công tác, kịch bản tăng trưởng và giải pháp trọng tâm chỉ đạo điều hành 6 tháng cuối năm 2025 gắn với mục tiêu cụ thể của địa phương góp phần đạt tăng trưởng của tỉnh. Rà soát, xây dựng kịch bản cụ thể khai thác tiềm năng, dư địa để phát triển kinh tế - xã hội địa phương trong thời gian tới.

5. Tập trung ưu tiên công tác chỉ đạo, điều hành thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nhất là các chỉ tiêu phát triển cụ thể trên lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp –

xây dựng, thương mại, dịch vụ,...; quyết liệt thực hiện bảo vệ môi trường, thu gom xử lý rác thải, quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản; đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững.

6. Tập trung rà soát, triển khai lập quy hoạch chung đảm bảo tiến độ kế hoạch đề ra.

7. Chuẩn bị các điều kiện và tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ xã lần thứ nhất, Nhiệm kỳ 2025-2030 theo quy định.

B. Nhiệm vụ trọng tâm theo ngành lĩnh vực:

I. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội:

Tập trung thực hiện đạt chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 của tỉnh giao cho xã; rà soát xây dựng chỉ tiêu giai đoạn 2026 - 2030 theo định hướng, mục tiêu chung của tỉnh; bảo đảm tính khả thi, có phân kỳ rõ ràng và phân tích các khó khăn kèm giải pháp cụ thể để triển khai.

1. Nông nghiệp:

- Chủ động công tác phòng chống sâu bệnh trên các loại cây trồng và các loại dịch bệnh cho gia súc, gia cầm; Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật, khuyến nông, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm. Tập trung phát triển các sản phẩm OCOP. Có các giải pháp cụ thể, tạo đột phá trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp bền vững, hiệu quả cao, sinh thái, áp dụng quy trình sản xuất an toàn, theo chuỗi giá trị, xây dựng mã số vùng nuôi trồng sản phẩm gắn với truy xuất nguồn gốc”.

- Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ diện tích rừng hiện có; đẩy mạnh công tác phát triển rừng, nhằm góp phần cải thiện môi trường, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng đến cuối năm 2025 đạt 25,69%.

- Phát triển đàn heo, đàn gia cầm; Phát triển chăn nuôi gắn với an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học và bảo vệ môi trường tại các cơ sở chăn nuôi.

2. Công nghiệp - xây dựng:

- Phát triển các ngành công nghiệp chế biến như (Cà phê, điều), dịch vụ và xuất khẩu một cách hiệu quả, bền vững, làm động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

- Đôn đốc, theo dõi một số dự án trọng điểm trên địa bàn: Đường liên xã huyện Ia Grai (cũ); Khai thác mỏ đá xây dựng; các dự án xây dựng trường học trên địa bàn xã...

3. Thương mại dịch vụ:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các cơ sở thương mại, dịch vụ trên địa bàn... phát triển theo hướng chuyên sâu, bền vững, thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ. Phát triển sản phẩm OCOP đạt tiêu chuẩn, có chứng nhận truy xuất nguồn gốc.

- Khuyến khích tạo điều kiện cho các doanh nghiệp cơ sở nâng cấp, mở rộng các đại lý phân phối bán buôn bán lẻ.

II. An sinh xã hội, y tế, giáo dục :

- Thực hiện các chính sách đối với người có công với cách mạng; chính sách trợ giúp xã hội đối với người yếu thế, người cao tuổi, người khuyết tật, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Rà soát, xây dựng phương án/kế hoạch cụ thể để triển khai công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn.

- Đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống dịch bệnh; tuyên truyền về vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm.

- Chuẩn bị đầy đủ điều kiện cho năm học mới 2025-2026: rà soát học sinh trong độ tuổi đến lớp, nhất là trẻ 5 tuổi và học sinh vào lớp 1, đảm bảo 100% trẻ em được đến trường đúng độ tuổi.

- Rà soát nhu cầu đào tạo nghề thường xuyên để tổ chức mở lớp học, nhằm giải quyết việc làm cho các đối tượng chính sách (Hộ nghèo, cận nghèo, khuyết tật, người dân tộc thiểu số miền núi....) và người lao động trên địa bàn, sao cho phù hợp với điều kiện, phát triển kinh tế của địa phương (trong 6 tháng cuối năm 2025 xã đã rà soát được 60 người có nhu cầu học nghề Trồng lúa năng suất cao).

III. Môi trường, đất đai, đền bù:

- Rà soát quy hoạch xã, bố trí quỹ đất, xây dựng kế hoạch để có thể khai thác tạo nguồn thu ngân sách trong ngắn và dài hạn; trước mắt hoàn thành quy hoạch 1 khu vực ở trung tâm xã trong năm 2025 đảm bảo điều kiện đầu tư hạ tầng, tổ chức đấu giá.

- Tuyên truyền, vận động đến người dân hiểu biết pháp luật về các quy định liên quan đến việc sử dụng đất và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tăng cường công tác quản lý đất đai, không để xảy ra tình trạng lấn chiếm đất đai trên địa bàn.

IV. An ninh, quốc phòng:

- Bố trí các lực lượng để có phương án giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, quốc phòng quân sự địa phương trên địa bàn; công tác giữ gìn trật tự đô thị, trật tự xây dựng trên địa bàn sau sáp nhập các xã, phường.

V. Triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW về KHCN, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo:

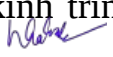
- Phối hợp với Sở KH&CN để thiết lập, cập nhật, duy trì hoạt động các nền tảng, hệ thống thông tin. Phối hợp với Công an tỉnh, Sở KH&CN triển khai hệ thống SOC.

- Thực hiện cập nhật các hệ thống thông tin, CSDL theo phân cấp nhiệm vụ của cấp xã; triển khai các nhiệm vụ liên quan đến Nghị quyết 57-NQ/TW và

Nghị quyết 71/NQ-CP.

C. Các chỉ tiêu chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 6 tháng cuối năm 2025	KH năm 2025
1	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm	%	8,94	8,17
	- Nông, lâm, thủy sản	%	5,66	5,27
	- Công nghiệp và xây dựng	%	14,50	11,99
	+ Công nghiệp	%	15,18	23,75
	+ Xây dựng	%	14,37	9,66
	- Dịch vụ	%	8,93	8,14
2	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Triệu đồng	5.718	9.865
3	Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ	Tỷ đồng	293,08	567,69
4	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	96,87	96,87
5	Giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	%	1,98	1,98
6	Bảo hiểm xã hội tự nguyện	Người	473	1.335
7	Tạo việc làm mới	Người	200	400
8	Đào tạo nghề lao động nông thôn	Người	60	60
9	Tỷ lệ che phủ rừng	%	25,69	25,03
10	Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	99,60	99,60
	<i>Trong đó: Tỷ lệ sử dụng nước sạch</i>	%	<i>46,70</i>	<i>46,70</i>
11	Tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom	%	63,00	63,00
12	Giải phóng mặt bằng			
-	Số lượng công trình, dự án hoàn thành GPMB so với tổng số dự án trên địa bàn	%	≥50	≥50
13	Giảm tỷ lệ đơn khiếu nại về lĩnh vực đất đai phát sinh mới	%	70	70
14	Tỷ lệ giải quyết số vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền	%	85	85
15	Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công so với kế hoạch HĐND tỉnh giao	%	100	100

Ủy ban nhân dân xã kính trình Kỳ họp thứ Hai (Chuyên đề), HĐND xã Ia Grai khoá I xem xét./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**




Đỗ Văn Đông

Số: /NQ-HĐND

Ia Grai, ngày tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về điều chỉnh kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ IA GRAI KHÓA I
KỲ HỌP THỨ HAI (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội 6 tháng cuối năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về giao chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ công tác trọng tâm cho các xã;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của Hội đồng nhân dân xã khóa I, kỳ họp Thứ nhất về phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng 6 tháng cuối năm 2025;

Xét Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /8/2025 của UBND xã về việc điều chỉnh kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2025; Báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND xã và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND xã tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2025 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 6 tháng cuối năm 2025	KH năm 2025
1	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm	%	8,94	8,17
	- Nông, lâm, thủy sản	%	5,66	5,27
	- Công nghiệp và xây dựng	%	14,50	11,99
	+ Công nghiệp	%	15,18	23,75
	+ Xây dựng	%	14,37	9,66
	- Dịch vụ	%	8,93	8,14
2	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Triệu đồng	5.718	9.865
3	Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ	Tỷ đồng	293,08	567,69

4	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	96,87	96,87
5	Giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	%	1,98	1,98
6	Bảo hiểm xã hội tự nguyện	Người	473	1.335
7	Tạo việc làm mới	Người	200	400
8	Đào tạo nghề lao động nông thôn	Người	60	60
9	Tỷ lệ che phủ rừng	%	25,69	25,03
10	Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	99,60	99,60
	<i>Trong đó: Tỷ lệ sử dụng nước sạch</i>	%	46,70	46,70
11	Tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom	%	63,00	63,00
12	Giải phóng mặt bằng			
-	Số lượng công trình, dự án hoàn thành GPMB so với tổng số dự án trên địa bàn	%	≥50	≥50
13	Giảm tỷ lệ đơn khiếu nại về lĩnh vực đất đai phát sinh mới	%	70	70
14	Tỷ lệ giải quyết số vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền	%	85	85
15	Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công so với kế hoạch HĐND tỉnh giao	%	100	100

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực HĐND, các Ban HĐND và đại biểu HĐND xã giám sát, đôn đốc các ngành chức năng thực hiện nghị quyết này.

2. UBND xã chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện với sự nỗ lực, quyết tâm cao nhất nhằm đảm bảo hoàn thành thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2025.

3. Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các đoàn thể chính trị - xã hội giám sát và động viên các tầng lớp Nhân dân thực hiện Nghị quyết của HĐND xã.

Nghị quyết này đã được HĐND xã Ia Grai khóa I, Kỳ họp thứ hai (Chuyên đề) thông qua ngày tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (B/c);
- UBND tỉnh(B/c);
- TT Đảng ủy (B/c);
- TT HĐND xã;
- UBND xã;
- UBMTTQ xã (P/h);
- Các đại biểu HĐND xã;
- Các phòng ban chuyên môn;
- Lưu: VT, VP.

CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Quý

TỜ TRÌNH

**Về dự toán thu –chi ngân sách năm 2025 và phương án phân bổ
dự toán chi ngân sách xã 6 tháng cuối năm 2025**

Kính gửi: Kỳ họp thứ Hai (chuyên đề), HĐND xã Ia Grai khoá I.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số: 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số: 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số: 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai Quyết định việc áp dụng Nghị quyết quy định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp chính quyền địa phương tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 28/7/2025 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 của UBND tỉnh về việc bổ sung kinh phí có mục tiêu năm 2025 hỗ trợ cho các xã, phường đảm bảo cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị làm việc;

Ủy ban nhân dân xã lập tờ trình kính trình Hội đồng nhân dân xã khoá I, kỳ họp thứ Hai (Chuyên đề) về dự toán thu –chi ngân sách năm 2025 và phương án phân bổ dự toán chi ngân sách xã 6 tháng cuối năm 2025, cụ thể như sau:

I. DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025 SAU SẮP XẾP:

1. Dự toán thu năm 2025:

- Dự toán tỉnh giao: 77.152 triệu đồng.

* Trong đó: + Thu trên địa bàn: 8.295 triệu đồng.

+ Thu trợ cấp bổ sung: 68.857 triệu đồng.

- Dự toán thu dự kiến trình HĐND xã: 78.722 triệu đồng.

* Trong đó: + Thu trên địa bàn: 9.865 triệu đồng. (NSDP hưởng theo theo tỷ lệ điều tiết: 6.306 triệu đồng).

+ Thu trợ cấp bổ sung: 68.857 triệu đồng.

+ Thu chuyển nguồn: 1.986 triệu đồng.

Trong đó: Tăng thu tăng thu thuế doanh nghiệp ngoài quốc doanh: 300 triệu đồng; thuế thu nhập cá nhân: 1.000 triệu đồng; lệ phí trước bạ: 200 triệu đồng; thu khác và phạt các loại: 70 triệu đồng.

2. Dự toán chi năm 2025:

- Dự toán tỉnh giao: 74.163 triệu đồng.
- Dự toán dự kiến trình HĐND xã: 75.163 triệu đồng.

** Trong đó:*

- + Chi đầu tư phát triển: 1.026 triệu đồng.
- + Chi thường xuyên: 27.117 triệu đồng.
- + Chi dự phòng: 534 triệu đồng.
- + Chi tạo nguồn CCTL: 700 triệu đồng.
- + Chi từ nguồn bổ sung thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 45.786 triệu đồng.

II. DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH 03 XÃ ĐẾN 30/6/2025:

1. Tình hình thu ngân sách nhà nước đến 30/6/2025: 27.137 triệu đồng.

Trong đó:

- + Thu trên địa bàn: 13.777 triệu đồng. (NSDP hưởng theo tỷ lệ điều tiết: 6.090 triệu đồng).
- + Thu trợ cấp bổ sung: 11.374 triệu đồng.
- + Thu chuyển nguồn: 1.986 triệu đồng.

2. Dự toán chi đến 30/6/2025: 16.013 triệu đồng (không bao gồm các nhiệm vụ chi từ ngân sách tỉnh và huyện bổ sung đến 30/6/2025)

Trong đó:

- + Chi đầu tư phát triển: 754 triệu đồng.
- + Chi thường xuyên: 15.127 triệu đồng.
- + Chi dự phòng: 82 triệu đồng.
- + Chi từ nguồn bổ sung thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 51 triệu đồng.

3 Chênh lệch thu chi 6 tháng đầu năm theo số tỉnh giao: 3.437 triệu đồng (chênh lệch thu ngân sách địa phương hưởng theo tỷ lệ điều tiết 6.090 trừ 2.653 triệu đồng).

Khoản chênh lệch không bao gồm thu chuyển nguồn, thu kết dư và các khoản thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh và huyện bổ sung 6 tháng đầu năm. Các nội dung chênh lệch sẽ trình sau khi Tỉnh điều chỉnh dự toán lần 2 đối với xã mới dự kiến trong tháng 8/2025.

III. DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025

1. Dự toán thu 6 tháng cuối năm 2025:

Dự toán thu dự kiến trình HĐND xã: 61.215 triệu đồng.

- Thu trên địa bàn: 5.718 triệu đồng. (NSDP hưởng theo tỷ lệ điều tiết: 3.653 triệu đồng).

- Thu trợ cấp bổ sung: 55.497 triệu đồng.

+ Thu bổ sung cân đối của 3 xã còn lại: 9.855 triệu đồng.

+ Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 44.642 triệu đồng.

+ Thu bổ sung mục tiêu hỗ trợ cho các xã, phường đảm bảo cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị làm việc: 1.000 triệu đồng

2. Dự toán chi 6 tháng cuối năm 2025:

- Dự toán dự kiến trình HĐND xã: 59.150 triệu đồng.

* Trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển: 272 triệu đồng.

+ Chi thường xuyên: 11.991 triệu đồng.

+ Chi dự phòng: 452 triệu đồng.

+ Chi tạo nguồn cải cách tiền lương: 700 triệu đồng.

+ Chi từ nguồn bổ sung thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 45.735 triệu đồng.

(Có biểu dự toán và phương án lập kèm theo)

Ủy ban nhân dân xã trình Kỳ họp thứ Hai (chuyên đề), HĐND xã khoá I xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu VT, PKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Đông

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ IA GRAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN

Phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước 6 tháng cuối năm 2025
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 8 năm 2025 của UBND xã)

I. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

- Việc xây dựng phương án phân bổ chi thường xuyên ngân sách góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; ưu tiên bố trí kinh phí cho những lĩnh vực quan trọng.
- Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách xã trong 6 tháng cuối năm 2025 và phù hợp với các tiêu chí, định mức phân bổ của ngân sách tỉnh giao. Thúc đẩy từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan và địa phương.
- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công để giảm mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn bảo đảm chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hoá, huy động các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội.
- Tăng cường tính chủ động, gắn với chức năng, nhiệm vụ, chế độ, chính sách chi ngân sách nhà nước. Đưa tối đa các khoản chi thường xuyên vào định mức chi quản lý hành chính của các cơ quan, đơn vị với yêu cầu triệt để tiết kiệm; giảm các khoản chi không cần thiết khác;
- Phân bổ của ngân sách được xây dựng cho các lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, bảo đảm chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ và mức tiền lương cơ sở 2.340.000 đồng, hoạt động của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được Nhà nước ban hành.
- Tất cả các khoản chi thường xuyên của các đơn vị dự toán thực hiện giữ lại 10% để thực hiện cải cách tiền lương.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ MỨC PHÂN BỐ CHI NGÂN SÁCH

1. Phân bổ chi quản lý hành chính: Gồm 04 phòng thuộc Ủy ban nhân dân xã, Văn phòng Đảng uỷ và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã:

a) Phân bổ theo chỉ tiêu biên chế được duyệt:

Tiền lương, phụ cấp (không kể phụ cấp làm đêm, thêm giờ), các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp), quỹ tiền thưởng của số cán bộ, công chức trong chỉ tiêu biên chế được giao.

b) Phân bổ chi hoạt động thường xuyên:

- Chi hoạt động thường xuyên là 12 triệu đồng/biên chế/6 tháng cuối năm.

- Phân bổ khoán kinh phí ký kết hợp đồng lao động đối với hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ của cơ quan hành chính theo tình hình thực tế.

c) Phân bổ bổ sung:

- Văn phòng HĐND và UBND xã: Chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân xã theo Nghị quyết số: 89/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai: 120 triệu đồng; Kinh phí đặc thù Lãnh đạo UBND: 140 triệu đồng. Kinh phí hoạt động nhà khách và Hội trường lớn UBND: 70 triệu đồng/năm; Kinh phí đảm bảo chế độ Ban tiếp công dân 20 triệu đồng/năm; Kinh phí đảm bảo Trang thông tin điện tử 20 triệu đồng; Hỗ trợ hoạt động tư pháp: 20 triệu đồng; Kinh phí chi trả tiền điện, hợp đồng trong coi 02 trụ sở xã Ia Bă, Ia Grăng (cũ) trong khi lập phương án bàn giao sử dụng: 24 triệu đồng.

- Văn phòng Đảng uỷ: Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Đảng uỷ (bao gồm cả chi bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ cán bộ): 140 triệu đồng/năm. Kinh phí tổ chức Đại hội Đảng bộ xã: 610 triệu đồng.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện: kinh phí chi thực hiện các nhiệm vụ trong năm do Ban Thường vụ Đảng uỷ giao (bao gồm cả kinh phí Đại hội): 120 triệu đồng.

- Các cơ quan đơn vị khác: căn cứ nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân xã phân công, tùy vào khả năng cân đối ngân sách bố trí bổ sung theo quy định.

2. Phân bổ mức phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách:

Theo Nghị quyết 73/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Gia Lai.

3. Phân bổ cho các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tiếp nhận nguyên trạng số dự toán tỉnh giao bổ sung có mục tiêu từ nguồn huyện kết thúc hoạt động để bố trí lại cho các đơn vị sự nghiệp: 09 đơn vị trường học, Trung tâm Chính trị, Trung tâm Văn hoá, Thông tin và Thể thao và Ban quản lý Chợ và Dịch vụ công ích.

- Phân bổ bổ sung: Kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định tại 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ; trên cơ sở dự toán ngân sách tỉnh điều chỉnh về xã: Phòng Văn hoá- Xã hội phân khai nguồn kinh phí thực

hiện các chế độ nêu trên để phân bổ đến các đơn vị trường học cấp cho các đối tượng thụ hưởng theo quy định.

4. Chi đảm bảo xã hội:

Bao gồm toàn bộ nội dung liên quan đến công tác bảo trợ xã hội, công tác quản lý nghĩa trang, tổ chức kỷ niệm ngày Thương binh, Liệt sỹ 27/7/2025. Kinh phí này thực hiện nhiệm vụ trợ cấp xã hội cộng đồng, đối tượng nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ; Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách.

5. Phân bổ chi An ninh - Quốc phòng:

5.1 Quốc phòng:

- Bảo đảm tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp), quỹ tiền thưởng, hoạt động thường xuyên của số cán bộ, công chức trong chỉ tiêu biên chế được giao.

- Chi bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn xã Ia Grai giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của HĐND huyện.

5.2 Về an ninh:

Bảo đảm chế độ lực lượng an ninh trật tự cơ sở theo Nghị quyết 87/2024/NQ-HĐND: 645,3 triệu đồng.

6. Chi sự nghiệp kinh tế:

- Kinh phí miễn giảm thủy lợi phí theo Nghị định 115/NĐ-CP của Chính phủ: sửa chữa kênh mương, đập thủy lợi bố trí từ nguồn bổ sung có mục tiêu: 48 triệu đồng.

- Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa thực hiện theo quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa bố trí từ nguồn bổ sung có mục tiêu: 280 triệu đồng.

- Công tác quy hoạch: chi lập quy hoạch chung xây dựng xã Ia Grai tạm bố trí theo dự toán Sở Xây dựng dự kiến: 472 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thẩm định giá đất bồi thường, đất quy hoạch bán đấu giá thị trấn Ia Kha huyện chưa thanh toán bàn giao về xã thực hiện: 169 triệu đồng.

7. Phân bổ chi y tế:

Thực hiện chế độ phụ cấp y tế thôn bản theo quy định tại Quyết định 75 ngày 11/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

8. Dự phòng ngân sách:

Tiếp nhận từ 03 xã trước sắp xếp: 452 triệu đồng, khoản chi này dùng để:

- Chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói.

- Thực hiện các nhiệm vụ của xã về an ninh, quốc phòng và các nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã mà chưa được dự toán.



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /8/2025 của UBND xã Ia Grai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán trước Tỉnh giao 2025	Thực hiện 06 tháng đầu năm 2025	Dự toán HĐND xã giao	So sánh (%)
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	74.163	19.750	75.163	101%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	5.306	6.090	6.306	119%
-	Thu NSDP hưởng 100%	5.306	6.090	6.306	119%
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia				
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	66.871	11.674	66.871	100%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	21.085	11.530	21.085	100%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	45.786	144	45.786	100%
III	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên				
IV	Thu kết dư	-			
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	1.986	1.986	1.986	100%
1	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương	1.986	1.986	1.986	100%
2	Thu chuyển nguồn ASXH				
3	Thu chuyển nguồn CTMTQG				
B	TỔNG CHI NSDP	74.163	16.013	75.163	101%
I	Tổng chi cân đối NSDP	28.377	15.963	29.377	104%
1	Chi đầu tư phát triển	1.026	754	1.026	100%
2	Chi thường xuyên	26.817	15.127	27.117	101%
3	Chi tạo nguồn CCTL			700	
4	Dự phòng ngân sách	534	82	534	100%
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ mục tiêu	45.786	51	45.786	90165%
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	114	46	114	249%

STT	Nội dung	Dự toán trước Tỉnh giao 2025	Thực hiện 06 tháng đầu năm 2025	Dự toán HĐND xã giao	So sánh (%)
2	Chi các dự án theo ngành, lĩnh vực theo kế hoạch đầu tư công ngân sách trung ương	-			
3	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	30	5	30	100%
4	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu sau 30/6	45.642		45.642	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau				
IV	Chi nộp ngân sách cấp trên				
C	BỘI CHI/BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG		3.736	0	

hlab

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /8/2025 của UBND xã Ia Grai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán tỉnh giao		Thực hiện 06 tháng đầu năm		Ước thực hiện 06 tháng cuối năm		Dự toán HĐND xã giao		So sánh TH 6 tháng đầu năm(%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9=3/1	10=4/2
	TỔNG THU NSNN	8.295	5.306	13.777	6.090	5.718	3.653	9.865	6.306	166,08%	114,77%
I	Thu nội địa	8.295	5.306	13.777	6.090	5.718	3.653	9.865	6.306	166,08%	114,77%
1	<u>Thu từ DNNN Trung ương</u>	-	-	34	-	-	-	-	-		
a	Thuế giá trị gia tăng			34							
b	Thuế thu nhập doanh nghiệp										
c	Thuế tài nguyên										
0	- Thuế môn bài										
0	- Thu hồi vốn và thu khác										
2	<u>Thu từ DNNN Địa phương</u>	-	-	-	-	-	-	-	-		
3	<u>Thu từ DN có vốn Đầu tư nước ngoài</u>	-	-			-	-	-	-		
4	<u>Thuế CTN và DV Ngoài quốc doanh</u>	1.622	495	1.316	400	1.111	338	1.922	585	81,11%	80,73%
a	Thuế giá trị gia tăng	1.610	483	1.308	393	1.105	332	1.910	573	81,27%	81,27%
b	Thuế thu nhập doanh nghiệp			-				-	-		
c	Thuế TTĐB hàng nội địa	12	12	7	7	6	6	12	12	59,10%	59,10%
d	Thuế tài nguyên					-	-	-	-		
0	- Thuế môn bài		-				-		-		
e	Thu khác ngoài quốc doanh		-				-		-		
5	<u>Tiền sử dụng đất</u>	-	-	6.353	1.207	-	-	-	-		
a	Dự án do ngân sách cấp tỉnh đầu tư và thu từ các tổ chức kinh tế						-				
b	Dự án do ngân sách xã đầu tư và thu từ các hộ gia đình, cá nhân	-		6.353	1.207			-	-		
6	<u>Lệ phí trước bạ</u>	1.190	959	1.162	946	795	620	1.390	1.099	97,61%	98,69%
7	<u>Thu phí và lệ phí</u>	126	126	106	105	63	63	126	126	84,16%	83,61%
a	Phí và lệ phí Trung ương							-	-		
b	Phí và lệ phí tỉnh							-	-		
c	Phí và lệ phí huyện, xã	126	126	106	105	63	63	126	126	84,16%	83,61%
	<i>Trong đó: + Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản</i>										
8	<u>Thuế thu nhập cá nhân</u>	5.020	3.514	4.389	3.072	3.510	2.457	6.020	4.214	87,43%	87,41%
9	<u>Thu tiền thuê đất, mặt nước</u>	-	-	-	-	-	-	-	-		
a	Thuê đất từ DNNN		-						-		
b	Thuê đất từ DN NQD					-	-				
10	<u>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</u>	150	105	23	16	75	53	150	105		
11	<u>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</u>					-	-				
12	<u>Thu tiền cấp quyền khai thác K.sản</u>	-	-	-	-	-	-		-		
a	Giấy phép do Trung ương cấp							-	-		
b	Giấy phép do UBND tỉnh cấp				-	-			-		
13	<u>Phạt vi phạm hành chính do cơ quan thuế xử lý</u>	80		20		40	-	80			

STT	Nội dung	Dự toán tỉnh giao		Thực hiện 06 tháng đầu năm		Ước thực hiện 06 tháng cuối năm		Dự toán HĐND xã giao		So sánh TH 6 tháng đầu năm(%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
14	Thu khác và phạt các loại	107	107	374	343	124	124	177	177	349,34%	320,91%
a	Phạt trật tự an toàn giao thông			4	4	-	-	-	-		
0	- Công an huyện thu							-	-		
0	- Cơ quan nhà nước cấp xã và Công an xã, các lực lượng cấp xã xử lý			4	4			-	-		
b	Thu khác và thu phạt các loại	107	107	370	340	124	124	177	177	346,02%	317,60%
15	Thu tiền cho thuê, bán tài sản khác (Thuê sạp chợ trên địa bàn xã)										
15	Đóng góp tự nguyện										

hđb

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /8/2025 của UBND xã Ia Grai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán trước sắp xếp (3 xã cũ)	Dự toán đã sử dụng trước sắp xếp (3 xã cũ)	Dự toán 6 tháng cuối năm (UBND trình)	Dự toán năm 2025 sắp xếp	Ghi chú
A	B	1	2	3		
	TỔNG CỘNG	28.521	16.013	59.150	75.163	
A	DỰ TOÁN ĐẦU NĂM	28.521	16.013	13.508	29.521	
I	Chi cân đối đầu năm	28.377	15.963	13.414	29.377	
1	Chi đầu tư phát triển	1.026	754	272	1.026	
2	Chi thường xuyên	26.817	15.127	11.990	27.117	
	<i>Trong đó chi sự nghiệp giáo dục</i>	<i>124</i>	<i>26</i>	<i>98</i>	<i>124</i>	
3	Dự phòng ngân sách	534	82	452	534	
4	Chi tạo nguồn CCTL			700	700	
V	BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU ĐẦU NĂM	144	51	93	144	
V.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình MTQG	114	46	68	114	
1	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	114	46	68	114	
a	Vốn đầu tư	-	-	-	-	
-	Xây dựng nông thôn mới	-	-	-	-	
-	Giảm nghèo bền vững	-	-	-	-	
-	Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	-	-	-	-	
b	Vốn sự nghiệp	114	46	68	114	
-	Xây dựng nông thôn mới	114	46	68	114	

STT	Nội dung	Dự toán trước sắp xếp (3 xã cũ)	Dự toán đã sử dụng trước sắp xếp (3 xã cũ)	Dự toán 6 tháng cuối năm (UBND trình)	Dự toán năm 2025 sắp xếp	Ghi chú
-	Giảm nghèo bền vững	-	-	-	-	
-	Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	-	-	-	-	
2	Phân bổ từ nguồn sự nghiệp ngân sách tỉnh	-	-	-	-	
-	Xây dựng nông thôn mới	-	-	-	-	
-	Giảm nghèo bền vững	-	-	-	-	
V.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	30	5	25	30	
1	Phân bổ từ nguồn trung ương bổ sung	30	5	25	30	
-	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	30	5	25	30	
B	BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU			45.642	45.642	

Handwritten signature

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Dự toán 6 tháng cuối năm
	TỔNG CHI NSDP	59.150
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC	58.056
I	Chi đầu tư phát triển	272
1	Nguồn tỉnh phân cấp cho xã	272
2	Chi đầu tư phát triển từ tiền sử dụng đất	-
3	Chi đầu tư phát triển khác	-
II	Chi thường xuyên	56.632
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	34.902
2	Chi khoa học và công nghệ	-
3	Chi quốc phòng	604
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	652
5	Chi y tế, dân số và gia đình	74
6	Chi văn hóa thông tin	649
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	535
8	Chi thể dục thể thao	167
9	Chi bảo vệ môi trường	179
10	Chi các hoạt động kinh tế	2.096
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	12.787
12	Chi bảo đảm xã hội	3.103
13	Chi thường xuyên khác	883
III	Chi tạo nguồn điều chỉnh lương	700
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	
V	Dự phòng ngân sách	452
C	CHI TỪ NGUỒN TỈNH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU	1.093
D	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (1)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (1)	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	Chi dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ	59.081	272	57.657	-	-	700	452	-	-	-	-
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	57.929	272	57.657	-	-	-	-	-	-	-	-
I.1	Chi đầu tư phát triển	272	272	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Nguồn tỉnh phân cấp cho xã	272	272									
2	Chi đầu tư phát triển từ tiền sử dụng đất	-										
3	Chi đầu tư phát triển khác	-										
I.2	Chi thường xuyên	57.657	-	57.657	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Văn phòng HĐND và UBND xã	5.798		5.798								
2	Phòng Kinh tế xã	2.871		2.871								
3	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	3.816		3.816								
4	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.268		1.268								
5	Văn phòng Đảng ủy	2.958		2.958								
6	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc	2.498		2.498								
7	Công an xã	7		7								
8	Trường Mầm non 17/3	2.389		2.389								
9	Trường Mẫu giáo 15/5	2.467		2.467								
10	Trường Mẫu giáo 7/5	1.537		1.537								
11	Trường TH Nguyễn Huệ	3.690		3.690								
12	Trường TH Kim Đồng	3.795		3.795								
13	Trường Tiểu học và THCS Phan Đình Phùng	4.726		4.726								
14	Trường Tiểu học và THCS Nguyễn Chí Thanh	5.355		5.355								
15	Trường THCS Hùng Vương	5.281		5.281								
16	Trường THCS Nội trú	3.627		3.627								
17	Trung tâm Chính trị	971		971								
18	Trung tâm Văn hoá, Thông tin và Thể thao	1.351		1.351								
19	Ban Quản lý Chợ và dịch vụ công ích	1.307		1.307								
20	Kinh phí sự nghiệp GD chưa phân bổ	1.064		1.064								
	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	470		470								
	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020	306		306								
	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	288		288								
21	Chi khác ngân sách	883		883								
III	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	700					700					
II	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	452						452				
III	CHI BỔ SUNG CỘ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI											

[illegible]

**DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN,
TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và đạy nghề	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi văn hóa thông tin	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi đầu tư khác
A	B							
	TỔNG SỐ	272	-	-	272	-	-	-
I	Nguồn tỉnh phân cấp cho xã	272	-	-	272	-	-	-
	Ban Quản lý dự án ĐTXD	272			272			
	Nhà rộng văn hoá làng Kép	272			272			
II	Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất							

Nguyễn

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ	57.657	34.902	-	604	652	74	649	535	167	179	2.096		328	13.812	3.103	883
1	Văn phòng HĐND và UBND xã	5.798			604	645									4.548		
2	Phòng Kinh tế xã	2.871										969		328	1.240	661	
3	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	3.816					74								1.300	2.442	
4	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.268													1.268		
5	Văn phòng Đảng ủy	2.958													2.958		
6	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc	2.498													2.498		
7	Công an xã	7				7											
8	Trường Mầm non 17/3	2.389	2.389														
9	Trường Mẫu giáo 15/5	2.467	2.467														
10	Trường Mẫu giáo 7/5	1.537	1.537														
11	Trường TH Nguyễn Huệ	3.690	3.690														
12	Trường TH Kim Đồng	3.795	3.795														
13	Trường Tiểu học và THCS Phan Đình Phùng	4.726	4.726														
14	Trường Tiểu học và THCS Nguyễn Chí Thanh	5.355	5.355														
15	Trường THCS Hùng Vương	5.281	5.281														
16	Trường THCS Nội trú	3.627	3.627														
17	Trung tâm Chính trị	971	971														
18	Trung tâm Văn hoá, Thông tin và Thể thao	1.351						649	535	167							
19	Ban Quản lý Chợ và dịch vụ công ích	1.307									179	1.127					
20	Kinh phí sự nghiệp GD chưa phân bổ	1.064	1.064														
	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	470	470														
	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020	306	306														
	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	288	288														
21	Chi khác ngân sách	883															883

hlahe

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2024				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2024				Kế hoạch vốn năm 2025				
					Số Quyết định, ngày tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt															
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
							Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ĐP		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ĐP		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ĐP		Ngoài nước	TW	ĐP
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Tổng số																	271,89	0,00	0,00	271,89
1	Nhà rừng văn hoá làng Kép	Làng Kép, xã Ia Grai		2025	211/QĐ-UBND ngày 29/9/2022	838,24		566,35	271,89									271,89			271,89

Handwritten signature

**KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CỦA CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC
NGOÀI NGÂN SÁCH DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ NĂM 2025**

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /8/2025 của UBND xã Ia Grai)

Đơn vị: đồng

STT	Tên quỹ	Dự toán trước sắp xếp	Dự toán đã thực hiện 06 tháng đầu năm 2025	Dự toán còn lại sau sắp xếp	Đơn vị thực hiện (Sau sắp xếp)
A	B	1	2	3	
1	Quỹ dịch vụ môi trường rừng	167.017.906	-	167.017.906	Phòng Kinh tế
-	Xã Ia Grăng	19.794.547		19.794.547	
-	Xã Ia Bă	147.223.359		147.223.359	
-	Thị trấn Ia Kha				
2	Quỹ Đền ơn đáp nghĩa	1.159.943.900	975.800.908	184.142.992	Phòng Văn hoá - Xã hội
-	Xã Ia Grăng	22.229.925	-	22.229.925	
-	Xã Ia Bă	934.808.147	934.790.908	17.239	
-	Thị trấn Ia Kha	202.905.828	41.010.000	161.895.828	
3	Quỹ vì người nghèo	829.282.336	797.980.946	31.301.390	Ủy ban Mặt trận TQVN xã
-	Xã Ia Grăng	709.595.064	709.212.879	382.185	
-	Xã Ia Bă	47.956.602	17.050.000	30.906.602	
-	Thị trấn Ia Kha	71.730.670	71.718.067	12.603	
	Tổng cộng	2.156.244.142	1.773.781.854	382.462.288	



Số: /NQ-HĐND

Ia Grai, ngày tháng năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phân bổ dự toán thu –chi ngân sách năm 2025 và phương án phân bổ
dự toán chi ngân sách xã 6 tháng cuối năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ IA GRAI KHÓA I,
KỲ HỌP HAI (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số: 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai Quyết định việc áp dụng Nghị quyết quy định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp chính quyền địa phương tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 28/7/2025 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 của UBND tỉnh về việc bổ sung kinh phí có mục tiêu năm 2025 hỗ trợ cho các xã, phường đảm bảo cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị làm việc;

Xét Tờ trình số:32 /TTr-UBND ngày 07/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã về dự toán thu –chi ngân sách năm 2025 và phương án phân bổ dự toán chi ngân sách xã 6 tháng cuối năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp thứ Hai (chuyên đề), HĐND xã khóa I.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán thu –chi ngân sách năm 2025 và phương án phân bổ dự toán chi ngân sách xã 6 tháng cuối năm 2025 nội dung như Tờ trình số: 32/TTr-UBND ngày 07/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã, gồm:

I. DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025 SAU SẮP XẾP:

1. Dự toán thu năm 2025:

- Dự toán tỉnh giao: 77.152 triệu đồng.

* Trong đó: + Thu trên địa bàn: 8.295 triệu đồng.

+ Thu trợ cấp bổ sung: 68.857 triệu đồng.

- Dự toán thu dự kiến trình HĐND xã: 78.722 triệu đồng.

* Trong đó: + Thu trên địa bàn: 9.865 triệu đồng. (NSDP hưởng theo theo tỷ lệ điều tiết: 6.306 triệu đồng).

+ Thu trợ cấp bổ sung: 68.857 triệu đồng.

+ Thu chuyển nguồn: 1.986 triệu đồng.

Trong đó: Tăng thu tăng thu thuế doanh nghiệp ngoài quốc doanh: 300 triệu đồng; thuế thu nhập cá nhân: 1.000 triệu đồng; lệ phí trước bạ: 200 triệu đồng; thu khác và phạt các loại: 70 triệu đồng.

2. Dự toán chi năm 2025:

- Dự toán tỉnh giao: 74.163 triệu đồng.

- Dự toán dự kiến trình HĐND xã: 75.163 triệu đồng.

* Trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển: 1.026 triệu đồng.

+ Chi thường xuyên: 27.117 triệu đồng.

+ Chi dự phòng: 534 triệu đồng.

+ Chi tạo nguồn CCTL: 700 triệu đồng.

+ Chi từ nguồn bổ sung thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 45.786 triệu đồng.

II. DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH 03 XÃ ĐẾN 30/6/2025:

1. Tình hình thu ngân sách nhà nước đến 30/6/2025: 27.137 triệu đồng.

Trong đó:

+ Thu trên địa bàn: 13.777 triệu đồng. (NSDP hưởng theo theo tỷ lệ điều tiết: 6.090 triệu đồng).

+ Thu trợ cấp bổ sung: 11.374 triệu đồng.

+ Thu chuyển nguồn: 1.986 triệu đồng.

2. Dự toán chi đến 30/6/2025: 16.013 triệu đồng (không bao gồm các nhiệm vụ chi từ ngân sách tỉnh và huyện bổ sung đến 30/6/2025)

Trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển: 754 triệu đồng.

+ Chi thường xuyên: 15.127 triệu đồng.

+ Chi dự phòng: 82 triệu đồng.

+ Chi từ nguồn bổ sung thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 51 triệu đồng.

3 Chênh lệch thu chi 6 tháng đầu năm theo số tỉnh giao: 3.437 triệu đồng (chênh lệch thu ngân sách địa phương hưởng theo tỷ lệ điều tiết 6.090 trđ- 2.653 triệu đồng). Khoản chênh lệch không bao gồm thu chuyển nguồn, thu kết dư và các

khoản thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh và huyện bổ sung 6 tháng đầu năm.

III. DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025

1. Dự toán thu 6 tháng cuối năm 2025:

Dự toán thu HĐND xã giao: 61.215 triệu đồng.

- Thu trên địa bàn: 5.718 triệu đồng. (NSDP hưởng theo tỷ lệ điều tiết: 3.653 triệu đồng).

- Thu trợ cấp bổ sung: 55.497 triệu đồng.

+ Thu bổ sung cân đối của 3 xã còn lại: 9.855 triệu đồng.

+ Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 44.642 triệu đồng.

+ Thu bổ sung mục tiêu hỗ trợ cho các xã, phường đảm bảo cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị làm việc: 1.000 triệu đồng

2. Dự toán chi 6 tháng cuối năm 2025:

- Dự toán HĐND xã giao: 59.150 triệu đồng.

** Trong đó:*

+ Chi đầu tư phát triển: 272 triệu đồng.

+ Chi thường xuyên: 11.991 triệu đồng.

+ Chi dự phòng: 452 triệu đồng.

+ Chi tạo nguồn cải cách tiền lương: 700 triệu đồng.

+ Chi từ nguồn bổ sung thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 45.735 triệu đồng.

(Biểu dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 và phương án phân bổ ngân sách xã 6 tháng cuối năm 2025 kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Ia Grai khóa I, kỳ họp thứ hai (chuyên đề) thông qua ngày tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- ĐB HĐND tỉnh tại xã;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- UBND xã;
- Thường trực UB MTTQVN xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Quý

TỜ TRÌNH

Về việc giao kế hoạch vốn đầu tư Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025

Kính gửi: Kỳ họp thứ hai (Chuyên đề) Hội đồng nhân dân xã Ia Grai khoá I, nhiệm kỳ 2021-2026.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 26/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 26/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện;

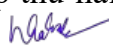
Ủy ban nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã về việc giao kế hoạch vốn đầu tư Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025, cụ thể như sau:

1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt trên địa bàn xã:

(Có phụ lục 01 kèm theo)

2. Dự án 4: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch:

(Có phụ lục 02 kèm theo)

Ủy ban nhân dân xã kính trình Kỳ họp thứ hai (Chuyên đề) Hội đồng nhân dân xã khoá I, nhiệm kỳ 2021-2026 xem xét./. 

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT, PKT. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Văn Đông

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐBĐTTs VÀ MN
Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr - UBND ngày tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Ia Grai)

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung/ Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2025					Chủ đầu tư	Ghi Chú
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng	Trong đó					
								Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước				NSTW	NST	Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản		
	Tổng							792,0	792,0	792,0	0,0	792,0	0,0	792,0				
	Hỗ trợ xây dựng nhà ở	Làng Orê 2 (01 hộ)	KBNN KV XV- PGD số 7			2025		44,0	44,0	44,0		44,0	0,0	44,0			Phòng Văn hoá- Xã hội	
		Làng Yam (07 hộ)	KBNN KV XV- PGD số 7			2025		308,0	308,0	308,0		308,0		308,0				
		Làng Kép (02 hộ)	KBNN KV XV- PGD số 7			2025		88,0	88,0	88,0		88,0		88,0				
		Làng Dun De (03 hộ)	KBNN KV XV- PGD số 7			2025		132,0	132,0	132,0		132,0		132,0				
		Làng Bẹk (04 hộ)	KBNN KV XV- PGD số 7			2025		176,0	176,0	176,0		176,0		176,0				
		Làng Păng Gol-Phù Tiên (01 hộ)	KBNN KV XV- PGD số 7			2025		44,0	44,0	44,0		44,0	0,0	44,0				

Stt	Họ và tên	Dân tộc	Năm sinh		Số người trong hộ	Địa chỉ thường trú	Đối tượng	Ghi chú
			Nam	Nữ				
1	Rơ Măh Ngliu	Jrai		1984	3	Làng Yam	Hộ nghèo	
2	Rơ Măh Hăn	Jrai	1982		4	Làng Yam	Hộ nghèo	
3	Rơ Măh H' Nel	Jrai		1984	4	Làng Yam	Hộ nghèo	
4	Puih H'Phim	Jrai		1940	5	Làng Yam	Hộ nghèo	
5	Rơ Mah H NgLĩm	Jrai		1961	2	Làng Yam	Hộ nghèo	
6	Rơ Măh Bro	Jrai		1992	6	Làng Yam	Hộ nghèo	
7	Rơ Măh Hanh	Jrai	1999		3	Làng Yam	Hộ nghèo	
8	Puih BLom	Jrai	1968		4	Làng Yam	Hộ nghèo	
9	Puih BLur	Jrai		1965	9	Làng Yam	Hộ nghèo	
10	Rơ Mah Vít	Jrai	1993		5	Làng Orê 2	Hộ nghèo	
11	Puih Pó	Jrai	1974		5	Làng Bẹk	Hộ nghèo	
12	Puih Đer	Jrai	1988		4	Làng Dun De	Hộ nghèo	
13	Puih Yur	Jrai	1991		4	Làng Bẹk	Hộ nghèo	
14	Rơ Châm Veo	Jrai	1972		7	Păng Gol-Phù Tiên	Hộ nghèo	
15	Rơ Châm Ỗn	Jrai	2000		3	Làng Dun De	Hộ nghèo	
16	Ksor Brih	Jrai	1945		3	Làng Dun De	Hộ nghèo	
17	Rơ Châm Avép	Jrai	1984		5	Làng Bẹk	Hộ nghèo	
18	Puih Dáo	Jrai	1979		4	Làng Bẹk	Hộ nghèo	

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTOG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐBDTTS VÀ MN
Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng ĐBDTTS & MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr - UBND ngày tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Ia Grai)

Đơn: Triệu đồng

STT	Nội dung/ Tên dự án	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025					Chủ đầu tư	Ghi Chú		
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng	Trong đó						Vốn huy động	
								Tổng số	Trong đó: Phân vốn NSNN			NSTW	NST	NSH	NSX				
1	2	4				5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
01	Nhà rừng văn hoá làng Kép	Làng Kép, xã Ia Grai	KBNN Ia Grai		160-161	2025	Quyết định số 211/QĐ- UBND ngày 29/9/2022 của UBND Thị trấn Ia Kha	838,243	838,243	838,243		838,243	566,353		271,890			Dự kiến Ban quản lý dự án đầu tư (nếu chuyển về xã)	

NGHỊ QUYẾT

Về việc giao kế hoạch vốn đầu tư Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ IA GRAI
KHÓA I – KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 26/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 26/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Gia Lai.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Giao kế hoạch vốn đầu tư Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 các nội dung cụ thể như sau:

1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh
(Có phụ lục 01 kèm theo)

2. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc
(Có phụ lục 02 kèm theo)

Điều 2: Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân xã và các cơ quan có liên quan theo

chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao giám sát thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

Nghị quyết ngày đã được Hội đồng nhân dân xã Ia Grai khoá I, kỳ họp thứ hai thông qua ngày/8/2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Thường trực Đảng uỷ;
- Thường trực UBMTTQVN xã;
- Các vị DB HĐND xã;
- Lưu: VT, PKT.

CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Quý

TỜ TRÌNH

**Về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025**

Kính gửi: Kỳ họp thứ Hai (chuyên đề), HĐND xã khóa I.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg, ngày 1/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc về việc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21/8/2023 của Ủy ban Dân tộc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 về hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 – 2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021- 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia cho các xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Ủy ban nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết nghị thông qua phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025, cụ thể như sau:

Tổng kế hoạch vốn năm 2025 phân bổ: 1.443 triệu đồng.

Trong đó: - Ngân sách trung ương: 1.380 triệu đồng

- Ngân sách địa phương: 63 triệu đồng:

+ Ngân sách tỉnh: 0 đồng

+ Ngân sách xã: 63 triệu đồng

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Ủy ban nhân dân xã kính trình Kỳ họp thứ Hai (chuyên đề), Hội đồng nhân dân xã xem xét./. 

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT, PKT. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Văn Đông

PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /8/2025 của UBND xã Ia Grai)

DVT: Triệu đồng

TT	Các đơn vị	Tổng cộng Chương trình			Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị			Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN		Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực			Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em		Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù		Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình			
					Nội dung 3: Hỗ trợ chuyển đổi nghề	Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	Nội dung 1-Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	Nội dung 3-Tiểu dự án 2: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	Nội dung 1 - Tiểu dự án 1: Đầu tư CSHT thiết yếu,phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng ĐB	Nội dung 1-TDA2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho						Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai	Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào;	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện		
		Tổng vốn	NSTW	Ngân sách xã	NSTW	NSTW	NSTW	Ngân sách xã	NSTW	NSTW	Ngân sách xã	NSTW	NSTW	NSTW	NSTW	Ngân sách xã	NSTW	Ngân sách xã	NSTW	Ngân sách xã	NSTW	Ngân sách xã
	Tổng cộng	1.443	1.380	63	260	93	337	21	-	180	29	42	157	48	81	7	44	2	132	4	6	-
1	Phòng Kinh tế	717	696	21	260	93	337	21	-											6	0	
2	Ban quản lý dự án ĐTXD	209	180	29					-	180	29											
3	Phòng Văn hoá- Xã hội	293	291	2								42	157	48			44	2				
4	Ủy ban MTTQ xã	224	213	11											81	7			132	4		

Handwritten signature

PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CT MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /8/2025 của UBND xã Ia Grai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên Dự án	Tổng vốn sự nghiệp				
		Tổng	Nguồn NSTV	NSDP	Bao gồm	
					NS cấp tỉnh	NS xã
	Tổng kinh phí	1.443	1.380	63	0	63
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	353	353			
1.1	Nội dung 3: Hỗ trợ chuyển đổi nghề	260	260			
1.2	Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	93	93			
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	0	0			
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	358	337	21	0	21
3.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	0	0			
3.2	Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	358	337	21		21
3.3	Tiểu dự án 2 - Nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	0				
4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	209	180	29		29
4.1	Tiểu dự án 1 - Nội dung 1: Đầu tư chính sách hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	209	180	29		29
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	247	247	0	0	0
5.1	Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	42	42			
5.2	Tiểu dự án 2 - Nội dung 2: Đào tạo dự bị đại học, đại học, sau đại học	0	0			
5.3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN	157	157			
5.4	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	48	48			
6	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	0	0	0	0	

STT	Tên Dự án	Tổng vốn sự nghiệp				
		Tổng	Nguồn NSTV	NSDP	Bao gồm	
					NS cấp tỉnh	NS xã
7	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	0	0	0	0	
8	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	88	81	7	0	7
9	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù	46	44	2	0	2
9.1	Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	46	44	2	0	2
10	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	142	138	4	0	4
10.1	Tiêu dự án 1: Biêu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số	136	132	4	0	4
10.3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	6	6	0	0	0

Ghi chú: Chi tiết phân bổ tại Phụ lục số 02

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ IA GRAI**

Số: /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ia Grai, ngày tháng 8 năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ IA GRAI KHÓA I, KỲ HỌP THỨ HAI (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg, ngày 1/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc về việc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21/8/2023 của Ủy ban Dân tộc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 về hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 – 2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021- 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia cho các xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Xét Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 06/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã Ia Grai về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại Kỳ họp thứ hai (chuyên đề), HĐND xã khóa I.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025, cụ thể như sau:

Tổng kế hoạch vốn năm 2025 phân bổ: 1.443 triệu đồng.

Trong đó:

- Ngân sách trung ương: 1.380 triệu đồng
- Ngân sách địa phương: 63 triệu đồng:
- + Ngân sách tỉnh: 0 đồng
- + Ngân sách xã: 63 triệu đồng

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Ia Grai khóa I, Kỳ họp thứ Hai (chuyên đề) thông qua ngày tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- TĐB HĐND tỉnh tại xã;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã
- UBND xã;
- UBMTTQVN xã;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể;
- Các vị ĐB HĐND xã;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Quý

TỜ TRÌNH

**Về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục
tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025**

Kính gửi: Kỳ họp thứ Hai (chuyên đề), HĐND xã khóa I.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021- 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia cho các xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Ủy ban nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã xem xét về việc thông qua phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025, cụ thể như sau:

Tổng kế hoạch vốn năm 2025 phân bổ: 1.663 triệu đồng.

Trong đó: - Ngân sách trung ương: 1.515 triệu đồng

- Ngân sách địa phương: 148 triệu đồng:

+ *Ngân sách tỉnh: 0 đồng*

+ *Ngân sách xã: 148 triệu đồng*

(phụ lục chi tiết kèm theo)

Ủy ban nhân dân xã kính trình Kỳ họp thứ Hai (chuyên đề), HĐND xã khóa I xã xem xét./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT, PKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Văn Đông

Phụ lục 1

PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /8/2025 của UBND xã Ia Grai)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên Dự án	Tổng vốn sự nghiệp				
		Tổng	NSTW	NSDP	Bao gồm	
					NS cấp tỉnh	NS xã
	Tổng cộng	1.663	1.515	148		148
1	Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	643	585	58		58
2	Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	159	145	14		14
2,1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	159	145	14		14
2,2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng					
3	Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	754	687	67		67
3,1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	482	440	42		42
3,2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	272	247	25		25
4	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin					
4,1	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin					
4,2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều					
5	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	107	98	9		9
5,1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	59	54	5		5
5,2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	48	44	4		4

Handwritten signature

PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025
(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /8/2025 của UBND xã Ia Grai)

ĐVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng vốn sự nghiệp năm 2025	Trong đó		Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo		Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng				Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững				Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình			
			NSTW	NS xã	Trong đó		Tiểu dự án 1: Hỗ trợ PTSX trong lĩnh vực nông nghiệp		Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng		TDA1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn		TDA3: Hỗ trợ việc làm bền vững		Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình		Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá Chương trình	
					NSTW	NS xã	NSTW	NS xã	NSTW	NS xã	NSTW	NS xã	NSTW	NS xã	NSTW	NS xã	NSTW	NS xã
	Tổng	1.663	1.515	148	585	58	145	14	0	0	440	42	247	25	54	5	44	4
1	Phòng Kinh tế	861	784	77	585	58	145	14							54	5		
2	Phòng Văn hoá - Xã hội	754	687	67							440	42	247	25				
3	Ủy ban MTTQ xã	48	44	4													44	4

habe

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ IA GRAI**

Số: /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ia Grai, ngày tháng 8 năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Về việc Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
giảm nghèo bền vững năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ IA GRAI
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ HAI (CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;*

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia cho các xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Xét Tờ trình số 26/TTr-UBND ngày 06/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã Ia Grai về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại Kỳ họp thứ hai (chuyên đề), HĐND xã khóa I.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025, cụ thể như sau:

Tổng kế hoạch vốn năm 2025 phân bổ: 1.663 triệu đồng.

Trong đó: - Ngân sách trung ương: 1.515 triệu đồng
- Ngân sách địa phương: 148 triệu đồng:
+ *Ngân sách tỉnh: 0 đồng*
+ *Ngân sách xã: 148 triệu đồng*

(phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Ia Grai khóa I, Kỳ họp thứ Hai (chuyên đề) thông qua ngày tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- TĐB HĐND tỉnh tại xã;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã
- UBND xã;
- UBMTTQVN xã;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể;
- Các vị ĐB HĐND xã;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Quý

TỜ TRÌNH

**Về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình
mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2025**

Kính gửi: Kỳ họp thứ Hai (chuyên đề), HĐND xã khóa I.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021- 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia cho các xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 201/NQ-HĐND ngày 19/3/2025 của HĐND huyện Ia Grai về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2025;

Ủy ban nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã xem xét về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2025, cụ thể như sau:

1. Tổng kế hoạch vốn năm 2025 tỉnh giao sau sáp nhập: 108 triệu đồng.

Trong đó: - Ngân sách trung ương: 68 triệu đồng

- Ngân sách địa phương: 40 triệu đồng:

+ *Ngân sách tỉnh: 40 triệu đồng*

+ *Ngân sách xã: 0 triệu đồng*

2. Kế hoạch vốn năm 2025, ngân sách huyện giao trước sáp nhập: 398 triệu đồng.

Trong đó: - Ngân sách trung ương: 0 triệu đồng

- Ngân sách địa phương: 398 triệu đồng:

+ *Ngân sách tỉnh: 0 đồng*

+ Ngân sách xã: 398 triệu đồng

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Ủy ban nhân dân xã kính trình Kỳ họp thứ Hai (chuyên đề), HĐND xã khóa I xem xét./. *hà*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
 - Lãnh đạo UBND xã;
 - Lưu: VT, PKT.
- hm2*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Văn Đông

Phụ lục 1

PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NÔNG THÔN MỚI NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /8/2025 của UBND xã Ia Grai)

DVT: Triệu đồng

STT	Tên Dự án	Tổng vốn sự nghiệp				
		Tổng	NSTW	NSDP	Bao gồm	
					NS cấp tỉnh	NS xã
	Tổng cộng	506	68	438	40	398
1	Nội dung thành phần số 2: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	398	0	398		398
2	Nội dung thành phần số 9: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của MTTQVB và các tổ chức chính trị xã hội trong xây dựng nông thôn mới	20	0	20	20	0
	Nội dung 1: Chi tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới	20	0	20	20	0
3	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn	45	45	0	0	0
-	Xây dựng, củng cố, duy trì, sơ kết, tổng kết nhân rộng mô hình, điển hình về đảm bảo ANTT xây dựng NTM	45	45	0	0	0
4	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình; nâng cao năng lực, truyền thông xây dựng nông thôn mới; thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới	43	23	20	20	0
-	Nội dung 1: Kinh phí theo dõi, đánh giá Bộ chỉ số nước sạch nông thôn	20	0	20	20	
-	Kinh phí quản lý chương trình	11	11	0		
-	Chi đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới	0	0	0		
-	Chi truyền thông, tuyên truyền chương trình nông thôn mới	12	12	0		

Handwritten signature

PHỤ LỤC PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP CTMTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /8/2025 của UBND xã Ia Grai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Địa bàn/ Đơn vị	Tổng cộng	Trong đó:			Nội dung thành phần số 2: PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI, CƠ BẢN ĐỒNG BỘ, HIỆN ĐẠI, ĐẢM BẢO KẾT NỐI NÔNG THÔN - ĐÔ THỊ VÀ KẾT NỐI CÁC VÙNG MIỀN	Nội dung thành phần số 9: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA MTTQVN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI			Nội dung thành phần số 10: GIỮ VỮNG QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ TRẬT TỰ XÃ HỘI NÔNG THÔN			Nội dung thành phần số 11: TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH; NÂNG CAO NĂNG LỰC, TRUYỀN THÔNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI; THỰC HIỆN PHONG TRÀO THI ĐUA CẢ NƯỚC CHUNG SỨC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI						Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn xã, hạ tầng giao thông kết nối liên xã	Nội dung 1: Chỉ tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới			Xây dựng, củng cố, duy trì, sơ kết, tổng kết nhân rộng mô hình, điển hình về đảm bảo ANTT xây dựng NTM			Nội dung 1: Kinh phí theo dõi, đánh giá Bộ chỉ số nước sạch nông thôn		Kinh phí quản lý chương trình	Chi đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới	Chi truyền thông, tuyên truyền chương trình nông thôn mới		
						Ngân sách xã	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	Ngân sách Trung ương	Ngân sách Trung ương		
1	Ban quản lý dự án ĐTXD	398	-	-	398	398													
2	Phòng Kinh tế	20	-	20	-									20					
3	Văn phòng HĐND và UBND xã	11	11	-	-										11				
4	Công an xã	45	45	-	-					45									
5	Trung tâm VH TT và TT	32	12	20	-			20										12	
Tổng cộng			506	68	40	398	398	-	20	-	45	-	-	-	20	11	-	12	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ IA GRAI**

Số: /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ia Grai, ngày tháng 8 năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
nông thôn mới năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ IA GRAI
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ HAI (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021- 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia cho các xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 201/NQ-HĐND ngày 19/3/2025 của HĐND huyện Ia Grai về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2025;

Xét Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 06/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã Ia Grai về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại Kỳ họp thứ hai (chuyên đề), HĐND xã khóa I.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới năm 2025, cụ thể như sau:

1. Tổng kế hoạch vốn năm 2025 tỉnh giao sau sáp nhập: 108 triệu đồng.

Trong đó:

- Ngân sách trung ương: 68 triệu đồng
- Ngân sách địa phương: 40 triệu đồng:

+ Ngân sách tỉnh: 40 triệu đồng

+ Ngân sách xã: 0 triệu đồng

2. Kế hoạch vốn năm 2025, ngân sách huyện giao trước sáp nhập: 398 triệu đồng.

Trong đó:

- Ngân sách trung ương: 0 triệu đồng

- Ngân sách địa phương: 398 triệu đồng:

+ Ngân sách tỉnh: 0 đồng

+ Ngân sách xã: 398 triệu đồng

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Ia Grai khóa I, Kỳ họp thứ Hai (chuyên đề) thông qua ngày tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- TĐB HĐND tỉnh tại xã;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã
- UBND xã;
- UBMTTQVN xã;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể;
- Các vị ĐB HĐND xã;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Quý